**Đặt vấn đề**

Việt Nam là một trong những nước có tỉ lệ hút thuốc lá cao nhất thế giới với tỉ lệ 47,4% nam giới trưởng thành hút thuốc. Các hoạt động phòng, chống tác hại của thuốc lá (PCTHTL) đã được triển khai trong hơn 20 năm và chính phủ Việt Nam ngày càng thể hiện rõ cam kết mạnh mẽ với hoạt động này thông qua việc ban hành các văn bản Luật và dưới luật hỗ trợ công tác PCTHTL.

Công ước khung kiểm soát tác hại thuốc lá (FCTC) có hiệu lực ở Việt Nam từ tháng 3 năm 2005 cũng đề cập tới việc xây dựng môi trường không khói thuốc như một biện pháp hiệu quả giảm phơi nhiễm với khói thuốc lá. Trước đó, Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân số 21-LCT/HDDNN8 (1989) quy định cấm hút thuốc trong phòng họp, rạp chiếu bóng, rạp hát. Tới năm 2000, Nghị quyết của chính phủ số 12/2000-NQ-CP về “Chính sách quốc gia phòng, chống tác hại của thuốc lá” bổ sung thêm nhiều địa điểm cấm hút thuốc lá bao gồm các cuộc họp, trụ sở cơ quan, các cơ sở y tế, trường học, nhà trẻ, rạp chiếu bóng, nhà hát, trên các phương tiện giao thông công cộng, những nơi tập trung đông người và khuyến khích, vận động nhân dân không hút thuốc lá trong các lễ hội, cuộc vui gia đình, đám cưới, đám tang... Mặc dù có quy định chính thức, việc tuân thủ và thực hiện các quy định về PCTHTL vẫn còn là một thách thức lớn với Việt Nam, một nước có tỉ lệ hút thuốc lá cao, hành vi hút thuốc còn được chấp nhận rộng rãi trong cộng đồng, mức độ tuân thủ và ủng hộ với chính sách còn hạn chế và vẫn còn thiếu các chế tài xử lý cụ thể và đủ mạnh. Nghiên cứu đánh giá ban đầu của Hội Y tế Công cộng (YTCC) Việt Nam thực hiện trên hai thành phố Huế và Nha Trang năm 2012 về vi phạm quy định cấm hút thuốc tại nơi công cộng cho thấy tỉ lệ người dân quan sát thấy vi phạm tại nơi công cộng còn rất cao. khoảng một phần ba đối tượng nhìn thấy hành vi hút thuốc trên phương tiện công cộng là ô tô, máy bay; 60% quan sát thấy vi phạm tại phòng đợi nhà ga, bến xe, sân bay, bến cảng. Tỉ lệ quan sát thấy hành vi hút thuốc tại cơ sở giáo dục ở Huế và Nha Trang lần lượt là 33,9% và 40,7%, tại cơ sở y tế là 31,8% và 47,2% và tại cơ quan nhà nước là 33,3% và 50,2%.

Ngày 18/6/2012, Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam phê duyệt và chính thức có hiệu lực từ ngày 1/5/2013. Luật PCTHTL nêu rõ các địa điểm cấm (Điều 11, 12) và quyền hạn, trách nhiệm cụ thể của các bên liên quan (quản lý nhà nước (Điều 5), người đứng đầu cơ quan, tổ chức địa phương (Điều 6), công dân (Điều 7), người đứng đầu, quản lý địa điểm cấm hút thuốc lá (Điều 14) và bản thân người hút thuốc (Điều 13)) trong thực thi luật PCTHTL. Nghị định số 176/2013/NĐ-CP ban hành ngày 14/11/2013 hướng dẫn các biện pháp thực hiện và xử phạt đối với một số vi phạm về lĩnh vực phòng chống tác hại thuốc lá bao gồm vi phạm quy định về địa điểm cấm hút thuốc lá (Điều 23). Sự ra đời của Luật PCTHTL và nghị định 176 đã mang lại hành lang pháp lý vững chãi hơn cho công tác PCTHTL.

Nhằm có cái nhìn tổng thể về việc thực thi và tuân thủ các quy định xây dựng môi trường không khói thuốc tại nơi làm việc và nơi công cộng, Hội YTCC Việt Nam tiến hành thực hiện nghiên cứu: “Đánh giá tình hình thực thi Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá tại Việt Nam dựa vào mạng lưới của Hội Y tế Công cộng Việt Nam” tại một số tỉnh thành trong toàn quốc dưới sự tài trợ của Quỹ từ thiện Đại Tây dương với mục tiêu:

1. Mô tả thực trạng và quy trình triển khai quy định về việc xây dựng môi trường không khói thuốc tại các cơ quan và đơn vị
2. Đánh giá việc thực thi và tuân thủ quy định về việc xây dựng môi trường không khói thuốc tại nơi làm việc và nơi công cộng
3. Tìm hiểu và phân tích các yếu tố liên quan tới việc thực thi Luật PCTHTL
4. Đưa ra các khuyến nghị thúc đầy việc thực thi Luật PCTHTL hiệu quả và mạnh hơn

**PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

Để đảm bảo nghiên cứu này sẽ được thực hiện một cách nhất quán và hữu hiệu, một bộ công cụ kỹ thuật được xây dựng vào thời gian đầu của chương trình. Bộ công cụ này mô tả các quy tắc và phương pháp làm việc trong quá trình thu thập và phân tích dữ liệu. Các cuộc họp đồng thuận sẽ được tổ chức giữa các bên liên quan để xác nhận các mục tiêu và phương pháp luận của đánh giá.

Để thu được các số liệu theo yêu cầu, cả phương pháp định tính và định lượng đều sẽ được sử dụng. Đơn vị chính của mẫu thu nhận số liệu là lãnh đạo các cơ quan ban ngành tại địa phương, các thanh tra của tỉnh, chủ các cơ sở đơn vị trên địa bàn, người đang hút thuốc, người dân sống tại địa phương trong thời gian ít nhất là 6 tháng trở lại đây.

* 1. **Địa điểm nghiên cứu:**
* Tỉnh Thái Bình : 1 thành phố - 7 huyện
* Tỉnh Hải Dương : 1 thành phố - 1 thị xã - 10 huyện
* Tỉnh Khánh Hòa : 2 thành phố - 1 thị xã - 6 huyện
* Tỉnh Bình Định : 1 thành phố - 1 thị xã - 9 huyện
* Tỉnh Đồng Tháp : 2 thành phố - 1 thị xã - 9 huyện
* Tỉnh Bạc Liêu : 1 thành phố - 6 huyện
	1. **Thời gian nghiên cứu:**
		+ Điểu tra lần 1: Tháng 5/2014 - 6/2014
		+ Điểu tra lần 2: Tháng 4/2015 – 6/2015
	2. **Đối tượng nghiên cứu:**
* Lãnh đạo Tỉnh, Thành phố và các Sở, ban ngành.
* Thanh tra các Sở.
* Người dân sinh sống tại các địa phương điều tra.
* Các cơ quan, đơn vị tại các địa phương điều tra.
	1. **Thiết kế nghiên cứu:**

Nghiên cứu mô tả cắt ngang, kết hợp với thảo luận nhóm và phỏng vấn sâu. Nghiên cứu thu thập số liệu thông qua bộ phiếu phỏng vấn người dân và bảng kiểm quan sát ghi nhận việc thực. Nghiên cứu đồng thời sẽ thực hiện một số cuộc phỏng vấn sâu đối với các lãnh đạo Tỉnh, thành phố, các Sở. Các cuộc thảo luận nhóm được thực hiện với các thanh tra Sở và người dân (hút thuốc và không hút thuốc).

* 1. **Cỡ mẫu và chọn mẫu**

***Lấy mẫu đơn vị hành chính nghiên cứu***

Trước hết, chọn mẫu ngẫu nhiên đơn được sử dụng để chọn 60 thành phố/thị xã/huyện thuộc 6 tỉnh.

Tại mỗi thành phố/thị xã/huyện, chọn mẫu ngẫu nhiên hệ thông trong danh sách các phường/xã sẽ được liệt kê bằng Excel, sau đó sử dụng lệnh RAND để gắn các giá trị ngẫu nhiên cho các xã này. 5 phường/xã được chọn trong mỗi thành phố/thị xã/huyện theo thứ tự giá trị ngẫu nhiên từ thấp đến cao.

Như vậy nghiên cứu sẽ được thực hiện trên 60 phường/xã của 6 tỉnh.

***Lấy mẫu đơn vị quan sát:***

Địa điểm trong 12 thành phố/thị xã/huyện sẽ được tập hợp trong Excel chia theo các khối ngành cần quan sát gồm địa điểm công cộng như rạp chiếu phim/rạp hát, khu thể thao, nhà hàng/khách sạn, nhà ga/bến tàu/sân bay, chợ có mái che/siêu thị/trung tâm thương mại; các cơ sở y tế, giáo dục, và cơ quan/công sở/nơi làm việc. Tổng số quan sát kỳ vọng là 700 cơ sở, 100 cơ sở/1 tỉnh, 50 cơ sở/thành phố hoặc huyện, 10 cơ sở/1 phường xã. Bước nhảy sẽ được tính theo công thức tổng số cơ sở chia cho tổng số kỳ vọng. Để lựa chọn đơn vị đầu tiên thì bốc thăm ngẫu nhiên trong số các thứ tự từ 1-10 trong danh sách, sau đó cộng dần theo bước nhảy để lấy các địa điểm, cộng dần đến hết danh sách.

***6 Tỉnh trong Nghiên cứu***

6 thành phố/thị xã

6 huyện

6 phường nghiên cứu định lượng và định tính

24 phường nghiên cứu định lượng

6 phường nghiên cứu định lượng và định tính

24 phường nghiên cứu định lượng

30 phường

***CHỌN MẪU NGẪU NHIÊN ĐƠN – BỐC THĂM NGẪU NHIÊN TRONG HAI NHÓM THÀNH THỊ VÀ HUYỆN THỊ, CHỌN 1 ĐƠN VỊ TRONG MỖI NHÓM***

***CHỌN MẪU NGẪU NHIÊN HỆ THỐNG – DÙNG LỆNH RAND TRONG EXCEL HOẶC DÙNG BƯỚC NHẢY TÍNH ĐƯỢC LÀ TÓNG SỐ THÀNH THỊ/HUYỆN THỊ CHIA CHO SỐ KỲ VỌNG MUỐN CHỌN***

30 xã

***Lấy mẫu phỏng vấn người dân:***

Áp dụng công thức tính cỡ mẫu sau:

n = 

Trong đó:

n: Cỡ mẫu nhỏ nhất hợp lý.

 Z: Là trị số tùy thuộc vào mức độ tin cây mong muốn, ở đây chúng tôi chọn mức tin cậy là 95% thì Z= 1,96

 **P: Ước đoán tham số của quần thể. Chưa xác định được là ước đoán con số này dựa trên tỷ lệ % nào vì chưa có nghiên cứu nào trước đó về smoke-free.**

 C: Là mức chính xác của nghiên cứu, là sự khác biệt tỷ lệ thu được trên mẫu và tỷ lệ thật trong quần thể.

*Thông tin về các địa điểm triển khai nghiên cứu:*

Tỉnh Thái Bình: <http://vi.wikipedia.org/wiki/Th%C3%A1i_B%C3%ACnh>

Tỉnh Bình Định: <http://vi.wikipedia.org/wiki/B%C3%ACnh_%C4%90%E1%BB%8Bnh>

Tỉnh Hải Dương: <http://vi.wikipedia.org/wiki/H%E1%BA%A3i_D%C6%B0%C6%A1ng>

Tỉnh Đồng Tháp: <http://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BB%93ng_Th%C3%A1p>

Tỉnh Thừa Thiên Huế: <http://vi.wikipedia.org/wiki/Th%E1%BB%ABa_Thi%C3%AAn_-_Hu%E1%BA%BF>

Tỉnh Khánh Hòa: <http://vi.wikipedia.org/wiki/Kh%C3%A1nh_H%C3%B2a>

Tỉnh Cần Thơ: <http://vi.wikipedia.org/wiki/C%E1%BA%A7n_Th%C6%A1>

* 1. **Phương pháp thu thập số liệu:**
* ***Định lượng:***

Điều tra lại sử dụng trên cùng bộ câu hỏi giữa 2 điều tra 2014 và 2015

1. *Điều tra sử dụng bộ câu hỏi phỏng vấn (questionnaires)*

Các câu hỏi điều tra sẽ được sử dụng để tìm kiếm các ý kiến định lượng từ người dân tại cộng đồng. Phỏng vấn người dân từ 18 đến 60 tuổi.

1. *Điều tra sử dụng bảng kiểm Quan sát và thống kê (field statistics):*

Số lượng đơn vị quan sát là 600 địa điểm (100 địa **điểm/tỉnh)**

Dùng bảng kiểm quan sát các nhóm địa điểm thuộc các ngành: Y tế, Giao thông, Giáo dục, Văn hóa – Thể thao – Du lịch và khối cơ quan nhà nước.

* ***Định tính:***

Điều tra lại sử dụng trên cùng bộ câu hỏi giữa 2 điều tra 2014 và 2015

1. *Phỏng vấn sâu (IDIs):*

Phỏng vấn sâu nhằm mục đích tìm hiểu các quan điểm chi tiết và phản hồi cụ thể về việc thực hiện môi trường không khói thuốc theo các quy định của Luật PCTHTL. Các kết quả từ phỏng vấn sâu này sẽ bổ sung cho các kết quả từ thống kê số liệu định lượng. Phỏng vấn sâu cũng nhằm phản ánh các quan điểm của các cá nhân và tính khả thi của các giải pháp. Bộ câu hỏi cho phỏng vấn sâu được phát triển và nhằm khai thác tối đa các thông tin.

Những người tham gia phỏng vấn sâu bao gồm (mỗi đơn vị liệt kê phỏng vấn 01 người, ưu tiên lựa chọn người có vị trí cao nhất):

* Lãnh đạo sở Y tế, sở Giáo dục và sở Văn hóa – Thể thao & Du lịch
* Chủ các cơ sở kinh doanh bán lẻ thuốc lá
* Chủ các đơn vị thực thi hoặc không thực thi môi trường không khói thuốc tại đơn vị

Điều tra 2014

Số cuộc Phỏng vấn sâu là **42 cuộc** với các nội dungvề vấn đề cấm quảng cáo khuyến mại tài trợ (TAPS), thực thi môi trường không khói thuốc (Smoke-free) và phỏng vấn các chủ cơ sở bán lẻ thuốc lá, chủ đơn vị thực hiện/không thực hiện môi trường không khói thuốc.

Điều tra 2015

Số cuộc Phỏng vấn sâu là **20 cuộc** với các nội dungvề vấn đề cấm quảng cáo khuyến mại tài trợ (TAPS), thực thi môi trường không khói thuốc (Smoke-free) và phỏng vấn các chủ cơ sở bán lẻ thuốc lá, chủ đơn vị thực hiện/không thực hiện môi trường không khói thuốc.

1. *Thảo luận nhóm tập trung (FGDs):*

Số cuộc thảo luận nhóm là 24 cuộc với đối tượng là người dân (hút thuốc và không hút thuốc) làm việc trong văn phòng thuộc các khối ngành nêu trên, thảo luận nhóm thanh tra.

Thảo luận nhóm tập trung nhằm xác định các thông tin về việc thực hiện và tính khả thi của các quy định thực hiện môi trường không khói thuốc, theo Luật PCTHTL. Để có được bức tranh toàn cảnh, những ý kiến trái chiều của các nhóm đối tượng và chính trong nhóm thảo luận. Có 03 nhóm đối tượng là nhóm người hút thuốc, nhóm thanh tra, nhóm người dân.

Lựa chọn cho nhóm người hút thuốc lá là tuổi từ 18 – 60, nhóm 5 người, nếu có thì chọn 1-2 nữ giới.

Lựa chọn cho nhóm người dân là tuổi từ 18 – 60, nhóm 5 người, không hút thuốc lá, tỷ lệ nam nữ là 1:1.

* 1. Các bước tổ chức thu thập số liệu tại địa bàn nghiên cứu

Kế hoạch nghiên tổ chức thu thập số liệu điều tra 2015

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Ngày** | **Hoạt động** | **Thực hiện** | **Hỗ trợ/ Giám sát** | **Ghi chú** |
| **Tỉnh Hải Dương** (17/4 – 24/4) |
| 17/4 | Tập huấn điều tra viên và giám sát viên phỏng vấn | CN. HàCN. Quý | CN. Quang | * Tập huấn sử dụng bộ công cụ cho ĐTV
* Chia nhóm, địa điểm PV, quan sát
* Tập huấn kỹ năng giám sát cho GSV
* Chia nhóm giám sát
 |
| 20/4 | Tập huấn điều tra viên và giám sát viên quan sát | CN. HàCN. Quý | CN. Quang |
| 21/4 – 23/4 | Triển khai đánh giá định tính  | Chuyên gia  | CN. HàCN. QuýCN. Quang | Tỉnh Hội bố trí PVS và TLN |
| 18/4 – 24/4 | Triển khai đánh giá định lượng  | ĐTV địa phương | CN. HàCN. QuýCN. Quang | Chia nhóm đi phỏng vấn, quan sát và giám sát theo địa điểm được phân công |
| **Tỉnh Thái Bình** (17/4 – 24/4/2015) |
| 17/4 | Tập huấn điều tra viên và giám sát viên phỏng vấn | CN. Lâm | CN. Hoàng | * Tập huấn sử dụng bộ công cụ cho ĐTV
* Chia nhóm, địa điểm PV, quan sát
* Tập huấn kỹ năng giám sát cho GSV
* Chia nhóm giám sát
 |
| 20/4 | Tập huấn điều tra viên và giám sát viên quan sát | CN. Lâm | CN. Hoàng |
| 17/4 – 24/4 | Triển khai đánh giá định lượng  | ĐTV địa phương | CN. LâmCN. Hoàng | Chia nhóm đi phỏng vấn, quan sát và giám sát theo địa điểm được phân công |
| 21/4 – 23/4 | Triển khai đánh giá định tính  | Chuyên gia | CN. LâmCN. Hoàng | Tỉnh Hội bố trí PVS và TLN |
| **Tỉnh Khánh Hòa** (4/5 – 14/5/2015) |
| 5/5 | Tập huấn điều tra viên và giám sát viên phỏng vấn | CN. Lâm | CN. Quang | * Tập huấn sử dụng bộ công cụ cho ĐTV
* Chia nhóm, địa điểm PV, quan sát
* Tập huấn kỹ năng giám sát cho GSV
* Chia nhóm giám sát
 |
| 8/5 | Tập huấn điều tra viên và giám sát viên quan sát | CN. Lâm | CN. Quang |
| 6/5 – 13/5 | Triển khai đánh giá định lượng  | ĐTV địa phương | CN. LâmCN. Quang | Chia nhóm đi phỏng vấn, quan sát và giám sát theo địa điểm được phân công |
| 10/5 – 12/5 | Triển khai đánh giá định tính  | Chuyên gia | CN. LâmCN. Quang | Tỉnh Hội bố trí PVS và TLN |
| **Tỉnh Bình Định** (15/5– 25/5/2015) |
| 16/5 | Tập huấn điều tra viên và giám sát viên phỏng vấn  | CN. Lâm | CN. Hoàng | * Tập huấn sử dụng bộ công cụ cho ĐTV
* Chia nhóm, địa điểm PV, quan sát
* Tập huấn kỹ năng giám sát cho GSV
* Chia nhóm giám sát
 |
| 19/5 | Tập huấn điều tra viên và giám sát viên quan sát | CN. Lâm | CN. Hoàng |
| 17/5 – 24/5 | Triển khai đánh giá định lượng  | ĐTV địa phương | CN. LâmCN. Hoàng | Chia nhóm đi phỏng vấn, quan sát và giám sát theo địa điểm được phân công |
| 19/5 – 21/5 | Triển khai đánh giá định tính  | Chuyên gia | CN. LâmCN. Hoàng | SYT bố trí PVS và TLN |
| **Tỉnh Đồng Tháp** (1/6 – 10/6/2015) |
| 5/6 | Tập huấn điều tra viên và giám sát viên phỏng vấn | CN. Hoàng | CN. Quý | * Tập huấn sử dụng bộ công cụ cho ĐTV
* Chia nhóm, địa điểm PV, quan sát
* Tập huấn kỹ năng giám sát cho GSV
* Chia nhóm giám sát
 |
| 8/6 | Tập huấn điều tra viên và giám sát viên quan sát | CN. Hoàng | CN. Quý |
| 6/6 – 13/6  | Triển khai đánh giá định lượng  | ĐTV địa phương | CN. QuýCN. Hoàng | Chia nhóm đi phỏng vấn, quan sát và giám sát theo địa điểm được phân công |
| 7/6 – 9/6 | Triển khai đánh giá định tính  | Chuyên gia | CN. QuýCN. Hoàng | Tỉnh Hội bố trí PVS và TLN |
| **Tỉnh Bạc Liêu** (21/6 – 30/6/2015) |
| 2/6 | Tập huấn điều tra viên và giám sát viên phỏng vấn | CN. Lâm | CN. Quang | * Tập huấn sử dụng bộ công cụ
* Chia nhóm, địa điểm PV, quan sát
* Tập huấn kỹ năng giám sát cho
* Chia nhóm giám sát
 |
| 5/6 | Tập huấn điều tra viên và giám sát viên quan sát | CN. Lâm | CN. Quang |
| 3/6 – 10/6  | Triển khai đánh giá định lượng  | ĐTV địa phương | CN. LâmCN. Quang | Chia nhóm đi phỏng vấn, quan sát và giám sát theo địa điểm được phân công |
| 4/6 – 6/6 | Triển khai đánh giá định tính  | Chuyên gia | CN. LâmCN. Quang | Điều phối viên Bạc Liêu bố trí PVS và TLN |

**KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU**

**Kết quả phỏng vấn định lượng**

**Bảng 1**. Thông tin chung về đối tượng nghiên cứu sau 2 vòng điều tra

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **2014** | **2015** |
| **Tổng số đối tượng** | 2659 | 2641 |
| **Giới tính** |  |  |
| *Nam* | 49,2% | 49,1% |
| *Nữ* | 50,8% | 50,9% |
| **Độ tuổi trung bình** | 40,19 | 40,55 |
| **Nghề nghiệp** |  |  |
| *Viên chức nhà nước* | 9,9% | 11,8% |
| *Viên chức ngoài quốc doanh* | 3,8% | 4,8% |
| *Nghề tự do, tự kinh doanh, làm nông* | 66,4% | 65,7% |
| *Sinh viên* | 2,7% | 3,0% |
| *Nội trợ* | 12,7% | 10,6% |
| *Hưu trí* | 2,8% | 2,5% |
| *Thất nghiệp* | 1,7% | 1,5% |
| *Không biết/không trả lời* | - | 0,1% |

Nghiên cứu được tiến hành trên 6 tỉnh trong cả nước Việt Nam bao gồm: Hải Dương, Thái Bình, Khánh Hòa, Bình Định, Đồng Tháp và Bạc Liêu. Trong vòng điều tra năm 2014, số đối tượng tham gia là 2659 đối tượng và trong năm 2015 là 2641 đối tượng. Tỷ lệ nam và nữ tham gia nghiên cứu không có sự chênh lệch nhiều giữa 2 năm điều tra. Tỷ lệ nam/nữ của nghiên cứu được ước định sấp xỉ 1/1.

Độ tuổi trung bình của đối tượng nghiên cứu là trên 40 tuổi tại cả 2 cuộc điều tra. Về thành phần lao động của 2 vòng điều tra, sự chênh lệch không đáng kể (p>0,05). Bên cạnh đó, số lượng đối tượng điều tra là cán bộ viên chức nhà nước chiếm xấp xỉ 10% cỡ mẫu nghiên cứu. Nhóm nghề nghiệp có nhiều đối tượng tham gia nghiên cứu nhất là nhóm hành nghề “tự do” bao gồm các hộ kinh doanh cá nhân, nhỏ lẻ hay nông dân, người lao động tự do khác.

**Bảng 2.** Thực trạng sử dụng thuốc lá theo giới tính trong 2014 và 2015

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Nam** | **Nữ** | **Chung** |
| **2014** | **2015** | **2014** | **2015** | **2014** | **2015** |
| *Hút hàng ngày* | 55,9% | 53,4% | 1.6% | 1.0% | 28.3% | 26.8% |
| *Không hút hàng ngày* | 7,4% | 9,4% | 0.3% | 0.3% | 3.8% | 4.7% |
| *Không hút* | 36,5% | 36,8% | 97.2% | 96.6% | 67.4% | 67.2% |
| *Không biết/không trả lời* | 0,2 | 0,4% | 0.9% | 2.1% | 0.5% | 1.2% |
| **Tổng** | 1306(100%) | 1299(100%) | 1350(100%) | 1343(100%) | 2656(100%) | 2641(100%) |
|  | **P=0.169>0.05** | **P=0.032<0.05** | **P=0.009<0.05** |

So sánh tỷ lệ sử dụng thuốc lá của 2 cuộc điều tra 2014 và 2015, kết quả cho thấy đã có sự thay đổi trong tỷ lệ sử dụng các sản phẩm thuốc lá. Tỷ lệ đối tượng hút hàng ngày có sự giảm nhẹ (1,5%) trong khi những đối tượng không hút thường xuyên lại tăng lên (tăng 0,9%). Sự chênh lệnh này là có ý nghĩa thống kê với kiểm định Chi-square với p là 0,009 nhỏ hơn 0,05.

Phân tích tỷ lệ sử dụng thuốc lá cho từng giới, trong nhóm nữ giới thì tỷ lệ hút thuốc thay đổi trong khi nhóm nam giới không cho thấy sự thay đổi (p>0,05). Tỷ lệ hút thuốc lá của nam giới trong 2 năm điều tra là 63,4% và 63,0%.

Một việc đáng lưu ý là số đối tượng không trả lời của điều tra năm 2015 nhiều hơn so với điều tra năm 2014.

**Bảng 3**. Thực trạng sử dụng thuốc lá tại nông thôn và thành thị

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Thành thị** | **Nông thôn** |
|  | **2014** | **2015** | **2014** | **2015** |
| *Hút hàng ngày* | 27,3% | 25,4% | 29,1% | 28,1% |
| *Không hút hàng ngày* | 3,8% | 5,1% | 3,8% | 4,4% |
| *Không hút* | 68,7% | 69,0% | 66,2% | 65,5% |
| *Không biết/không trả lời* | 0,2% | 0,5% | 0,8% | 2,0% |
| **Tổng** | 1225(100%) | 1318(100%) | 1431(100%) | 1323(100%) |
|  | **p>0.05** | **P=0,047<0,05** |

So sánh tỷ lệ hút thuốc lá tại khu vực thành thị và nông thôn tại 6 tỉnh điều tra. Tính toán tỷ lệ sử dụng thuốc lá trên nam giới 6 tỉnh trong năm 2014 cho thấy: tại thành thi, tỷ lệ sử dụng thuốc lá hàng ngày đạt tới 57,2% và không hút hàng ngày là 7,6%. Trong khi đó, tỷ lệ sử dụng thuốc lá hàng ngày của nam giới tại nông thôn là 55,0% và 7,2% đối với hút thuốc không hàng ngày. Trong điều tra 2015, Tỷ lệ hút thuốc hàng ngày của thành thị và nông thôn đều cho thấy xu hướng giảm so với điều tra 2014. Tại khu vực thành thị, tỷ lệ hút thuốc giảm từ 27,3% xuống 25,4%, trong khu tỷ lệ không hút hàng ngày tăng từ 3,8% lên 5,1%. Tại khu vực nông thôn, tỷ lệ hút hàng ngày sau 1 năm giảm 1% từ 29,1% xuống 28,1%, trong khu tỷ lệ không hút hàng ngày tăng từ 3,8% lên 4,4%. Tuy nhiên sự thay đổi này không đáng kể khi tại khu vực thành thị, kiểm định sự khác biệt cho kết quả không có sự khác biệt giữa 2 điều tra. Còn tại khu vực nông thôn, tỷ lệ giảm cùng với p<0,05 của kiểm định Chi-Square, tuy nhiên tỷ lệ này (0,047) cũng rất sát với 0,05.

**Bảng 4.** Hành vi hút thuốc lá của những người hút thuốc tại các địa điểm công cộng

|  | **2014** | **2015** |
| --- | --- | --- |
| *Cơ quan nhà nước* | 12.4% | 12.8% |
| *Bệnh viện, cơ sở y tế khác* | 7.1% | 10.1% |
| *Nhà hàng (Trong nhà)* | 21.6% | 22.8% |
| *Quán bar, trà, cà phê trong nhà* | 54.5% | 51.2% |
| *Trên phương tiện giao thông công cộng* | 15.6% | 13.6% |
| *Phòng đợi của nhà ga, bến xe, sân bay, bến cảng* | 8.6% | 8.3% |
| *Nhà trẻ, nhà thiếu nhi hoặc trường học* | 2.6% | 4.5% |
| *Trường đại học, cao đẳng, nghề* | 2.2% | 2.3% |
| *Thư viện, rạp hát hoặc rạp chiếu phim* | 1.4% | 1.0% |
| *Nhà văn hóa địa phương* | 9.1% | 8.7% |
| *Nhà thi đấu thể thao, SVĐ có mái che, TT triển lãm* | 4.0% | 5.8% |
| *Khu vực làm việc trong nhà khác* | 38.0% | 28.0% |

Đối với những người hút thuốc, khi được hỏi về địa điểm họ hút thuốc, nhìn chung việc hút thuốc vẫn diễn ra tại hầu hết các địa điểm. Khu vực hút thuốc nhiều nhất vẫn là tại các quán bar và quán café trong nhà. Tỷ lệ giữa 2 vòng điều tra giảm 3% nhưng vẫn ở trên mức 50% (54,5% và 51,2%). Địa điểm vi phạm nhiều thử 2 vẫn là tại các khu vực làm việc trong nhà khác, tuy nhiên tỷ lệ giảm một phần tư này là một tín hiệu khích lệ (38% giảm xuống 28%). Địa điểm vi phạm nhiều thứ 3 là khu vực nhà hàng (trong nhà – indoor). Tỷ lệ này không giảm mà tăng nhẹ (từ 21,6% lên 22,8%). Khu vực cơ quan nhà nước có tỷ lệ tăng rất nhẹ không đáng kể (12,4% và 12,8%). Tại khu vực bệnh viện, tỷ lệ hút thuốc của đối tượng lại xuất hiện việc tăng khá nhiều (từ 7,1% lên 10,1%). Tại các khu vực khác như tại phòng chờ, cơ sở giáo dục, nhà văn hóa, sân vận động, tỷ lệ hút thuốc vi phạm hầu như thay đổi không đáng kể.

**Bảng 5.** Nơi xảy ra hành vi hút thuốc có biển cấm hút thuốc lá

|  | **2014** | **2015** |
| --- | --- | --- |
| Cơ quan nhà nước | 55,4% | 50,0% |
| Bệnh viện, cơ sở y tế khác | 61,4% | 51,2% |
| Nhà hàng (Trong nhà) | 11,8% | 18,3% |
| Quán bar, trà, cà phê trong nhà | 5,2% | 1,9% |
| Trên phương tiện giao thông công cộng | 19,8% | 25,2% |
| Phòng đợi của nhà ga, bến xe, sân bay, bến cảng | 15,8% | 8,3% |
| Nhà trẻ, nhà thiếu nhi hoặc trường học | 2,6% | 4,5% |
| Trường đại học, cao đẳng, nghề | 2,2% | 2,3% |
| Thư viện, rạp hát hoặc rạp chiếu phim | 1,4% | 1,0% |
| Nhà văn hóa địa phương | 9,1% | 8,7% |
| Nhà thi đấu thể thao, SVĐ có mái che, TT triển lãm | 15,8 | 13,6% |
| Khu vực làm việc trong nhà khác | 7,2% | 9,8% |

Điều tra việc nhận thức khu vực hút thuốc lá có quy định cấm hút thuốc (có biển báo cấm hút thuốc của đối tượng hút thuốc lá, nhìn chung kết quả cho thấy người hút thuốc ít hút tại các vị trí có biển báo cấm hơn. Tỷ lệ vi phạm hút thuốc tại nơi có biển báo cấm nhiều nhất tại các cơ sở y tế (bệnh viện, cơ sở y tế khác). Tỷ lệ này giảm từ 61,4% năm 2014 xuống 51,2% năm 2015. Tại các cơ quan nhà nước, tỷ lệ hút thuốc tại nơi có biển báo cấm cũng giảm từ 55,4% xuống còn 50,0%. Tuy tại các địa điểm khác như tại các phòng chờ phương tiện giao thông công cộng, trường học, tỷ lệ cũng giảm nhưng tại các quán bar, café, nhà hàng, trên phương tiện giao thông công cộng, tỷ lệ này lại tăng lên. Củ thể, trên các phương tiện giao thông công cộng, tỷ lệ hút thuốc khi có biển báo cấm tăng từ 19,8% lên 25,2%. Tại các nhà hàng, tỷ lệ tăng từ 11,8% năm 2014 lên 18,3% năm 2015.

**Thực trạng hút thuốc thụ động**

**Bảng 6.** Tình trạng hút thuốc thụ động điều tra tại nhà trước và sau

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **TẠI NHÀ** | **NƠI LÀM VIỆC** |
| *Hàng ngày* | 530 (29,6%) | 493 (27,8%) | 345 (19,7%) | 334 (22,1%) |
| *Hàng tuần* | 194 (10,9%) | 280 (15,8%) | 139 (8,0%) | 232 (15,4%) |
| *Hàng tháng* | 72 (4,0%) | 123 (6,9%) | 36 (2,1%) | 75 (5,0%) |
| *Không tiếp xúc* | 956 (53,5%) | 859 (48,4%) | 1183 (67,7%) | 838 (55,6%) |
| *Không biết* | 36 (2,0%) | 18 (1,0%) | 45 (2,6%) | 29 (1,9%) |
| **Tổng** | 1788 (100%) | 1773 (100%) | 1748 (100%) | 1508 (100%) |
|  | **P<0,001** | **P<0,001** |

Tình trạng hút thuốc thụ động giữa 2 vòng điều tra 2014 và 2015 khá phức tạp. Đối với tại nhà của các đối tượng nghiên cứu, tỷ lệ hút thuốc thụ động giảm đối với những người hút thuốc thụ động hàng ngày (29,6% xuống 27,8%). Tuy nhiên, đối với việc hút thuốc thụ động hàng tuần và hàng tháng lại tăng lên. Đặc biệt, tỷ lệ hút thuốc thụ động hàng tuần tăng từ 10,9% lên 15,8%. Còn đối với những đối tượng hút thuốc thụ động ít (hàng tháng), tỷ lệ này tăng từ 4,0% lên 6,9%. Sự thay đổi này là có ý nghĩa thống kê.

Đối với địa điểm tại nơi làm việc, so sánh việc hút thuốc thụ động giữa 2 năm, tỷ lệ hút thuốc thụ động hàng ngày tăng lên từ 19,7% đến 22,1%. Tỷ lệ hút thuốc thụ động hàng tuần cũng tăng, từ 8,0% tăng lên 15,4%. Lưu ý trong điều tra hút thuốc thụ động tại nơi làm việc trong năm 2015, tỷ lệ số người không trả lời cao đột biến, chiếm 13,7% những người không hút thuốc. Tỷ lệ này được loại bỏ khi so sánh giữa 2014 và 2015.

**Biểu đồ 1.** Tỷ lệ hút thuốc thụ động tại các khu vực trong cơ quan làm việc

Tìm hiểu địa điểm mà các đối tượng hút thuốc thụ động, kết quả cho thấy việc hút thuốc thụ động diễn ra tại tất cả các địa điểm thường gặp tại các cơ quan làm việc. Tỷ lệ hút thuốc thụ động cao nhất là tỷ lệ tại các phòng làm việc. Tỷ lệ này đều cao nhất trong cả 2 cuốc điều tra 2014 và 2015. Tuy nhiên tỷ lệ hút thuốc thụ động trong phòng làm việc của điều tra năm 2015 lại cao hơn 1,8% so với điều tra năm 2014. Đây là trường hợp duy nhất tỷ lệ hút thuốc thụ động tăng lên. Địa điểm hút thuốc thụ động nhiều thứ hai là tại khu vực hành lang các cơ quan làm việc. Tỷ lệ này trong điều tra 2014 là 32,4% nhưng đã giảm chỉ còn 23,5% trong điều tra 2015. Vị trí thường gặp hút thuốc thụ động tiếp theo là tại các khu vực ngoài trời, tỷ lệ năm 2014 là 31,5% trong khi năm 2015 là 16,7%. Đây là khu vực có tỷ lệ giảm ấn tượng nhất. Khu vực cantin của các cơ quan làm việc cũng là nơi hay xuất hiện việc hút thuốc thụ động. Kết quả điều tra năm 2014 chỉ ra có 28,6% số đối tượng bị hút thuốc thụ động tại đây và tỷ lệ này giảm còn 20,4% trong kết quả điều tra năm 2015. Khu vực tiền sảnh cũng là nơi xảy ra hút thuốc thụ động và tỷ lệ này cũng giảm sau 1 năm điều tra lại. Tỷ lệ này là 15,4% vào năm 2014 và 11,7% vào năm 2015. Tại các địa điểm khác tỷ lệ hút thuốc thụ động đều xấp xỉ dưới 10% và đều có sự suy giảm giữa điều tra 2014 và 2015.

**Bảng 7.** Đối tượng phỏng vấn ghi nhận sự vi phạm và xử lý

|  | **Thấy vi phạm** | **Nhân viên nhắc vp** |
| --- | --- | --- |
| **2014** | **2015** | **2014** | **2015** |
| Cơ sở y tế: Bệnh viện, phòng khám | 15,5% | 17,0% | 34,2% | 35,1% |
| Cơ sở giáo dục: mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông các cấp...  | 6,9% | 10,3% | 20,6% | 27,9% |
| Khu vui chơi giải trí dành riêng cho trẻ em | 6,1% | 7,7% | 15,1% | 17,5% |
| Thư viện, rạp chiếu phim, nhà hát | 2,0% | 2,6% | 21,3% | 26,1% |
| Khu vực làm việc trong nhà, khu vực sản xuất trong nhà | 25,2% | 22,8% | 12,9% | 16,6% |
| Khu vực có nguy cơ cháy, nổ cao | 4,3% | 6,7% | 35,2% | 44,1% |
| Trên PTGT công cộng đường bộ, đường hàng không | 19,8% | 13,7% | 12,6% | 14,6% |
| Cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học và sau đại học | 3,9% | 4,2% | 10,8% | 22,7% |
| Trụ sở cơ quan, tổ chức | 14,4% | 12,0% | 26,0% | 25,7% |
| NVH, nhà thi đấu thể thao, SVĐ có mái che, TT triển lãm | 5,9% | 6,5% | 14,0% | 19,3% |
| Trên PTGT công cộng đường sắt, đường thủy, đường biển | 4,8% | 3,9% | 9,3% | 18,1% |
| Phòng đợi của nhà ga, bến xe, sân bay, bến cảng | 13,0% | 8,7% | 8,2% | 14,0% |
| Các nơi tổ chức đám cưới, lễ hội | 57,7% | 57,8% | 5,0% | 5,7% |
| Khu vui chơi, giải trí trong nhà: bar, café, khách sạn, vũ trường | 42,6% | 36,2% | 4,1% | 3,7% |

Trong điều tra, những đối tượng tham gia cũng được hỏi về sự ghi nhận vi phạm quy định cấm hút thuốc tại các địa điểm công cộng. Trong các địa điểm được ghi nhận vi phạm quy định cấm hút thuốc thì địa điểm được ghi nhận là có vi phạm nhiều nhất là tại các đám cưới và lễ hội. Tỷ lệ giữa 2 điều tra 2014 và 2015 cho thấy không có sự thay đổi trong tỷ lệ này (57,7% và 57,8%). Việc có nhân viên nhắc nhở vi phạm tại khu vực này cũng rất thấp (xấp xỉ 5%). Địa điểm có vi phạm nhiều thứ hai là tại các khu vui chơi, giải trí trong nhà như quán bar, quán café, vũ trường, khách sạn. Tuy nhiên năm 2014 ghi nhận sự vi phạm là 42,6% thì đến năm 2015, tỷ lệ này giảm chỉ còn 36,2%. Mặc dù vậy, việc nhân viên nhắc nhở vi phạm vẫn rất thấp (dưới 5%). Tại các khu vực làm việc, sản xuất trong nhà, tỷ lệ ghi nhận vi phạm cũng ở mức 25%, và tỷ lệ có nhân viên nhắc nhở cũng ở mức 12-16%. Tại các cơ sở y tế như bệnh viện và phòng khám, tỷ lệ ghi nhận vi phạm trong năm 2015 cao hơn so với năm 2014 (15,5% và 17,0%). Bên cạnh đó tỷ lệ nhân viên nhắc nhở cũng không có sự thay đổi lớn (34,2% và 35,1%). Mặc dù vậy, đây cũng là một trong những địa điểm có nhân viên nhắc nhở việc vi phạm quy định cấm hút thuốc cao nhất trong các địa điểm công cộng. Trên các phương tiện giao thông công cộng, tỷ lệ ghi nhận vi phạm giảm sau 1 năm điều tra (từ 19,8% xuống còn 13,7%). Những khu vực có nguy cơ cháy nổ cao thì tỷ lệ vi phạm khá thấp, nhưng kết quả nghiên cứu năm 2015 cho thấy sự tăng đáng lưu ý (từ 4,3% lên 6,7%). Bên cạnh đó, tại các khu vực cháy nổ, tỷ lệ nhân viên nhắc nhở hành vi hút thuốc cũng tăng lên từ 35,2% lên 44,1%. Nhìn chung việc nhân viên nhắc nhở hành vi vi phạm quy định cấm hút thuốc vẫn ở mức thấp.

**Bảng 8.** Phản ứng của đối tượng tham gia nghiên cứu khi bắt gặp người hút thuốc

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Người hút thuốc** | **Người không hút thuốc** |
|  | **2014** | **2015** | **2014** | **2015** |
| Không làm gì | 84,5% | 74,8% | 32,6% | 30,4% |
| Đi ra chỗ khác | 6,9% | 14,5% | 43,4% | 44,7% |
| Góp ý trực tiếp | 4,5% | 5,4% | 20,6% | 20,2% |
| Khác | 3,5% | 4,1% | 2,9% | 4,3% |
| Không biết/không trả lời | 0,6% | 1,2% | 0,5% | 0,5% |
| **Tổng** | **840 (100%)** | **832 (100%)** | **1766 (100%)** | **1776 (100%)** |
|  | **P<0,001** | **P>0,05** |

Khi được hỏi về phản ứng của những người không hút thuốc đối với việc bắt gặp hành vi hút thuốc, nhìn chung hành vi được áp dụng nhiều nhất vẫn là không làm gì. Đối với những người có hút thuốc, năm 2014 tỷ lệ không làm gì là 84,5% đã giảm còn 74,8% trong năm 2015. Tỷ lệ đi ra chỗ khác tăng lên từ 6,9% lên 14,5%. Tỷ lệ các hành vi này thay đổi có ý nghĩa thống kê.

Đối với những người không hút thuốc, tỷ lệ các hành vi phản ứng không có thay đổi sau 1 năm điều tra. Tỷ lệ không làm gì sấp xỉ nhau (32,6% và 30,4%). Tỷ lệ đi ra chỗ khác 43,4% và 44,7%; tỷ lệ góp ý trực tiếp 20,6% và 20,2%. Kiểm định sự khác biệt cho ra kết quả p>0,05 và phủ nhận sự khác biệt giữa các tỷ lệ.

**Bảng 9.** Định nghĩa về hút thuốc lá thụ động

|  | **2014** | **2015** |
| --- | --- | --- |
| *Là hít phải khói thuốc của người khác*  | 23,3% | 23,6% |
| *Là hít phải khói thuốc* | 12,4% | 11,1% |
| *Do ảnh hưởng từ khói thuốc của người khác* | 0,5% | 2,2% |
| *Khác* | 10,6% | 8,9% |
| *Không biết/không rõ* | 53,2% | 54,2% |
| **Tổng** | **2484** | **2628** |
|  | **100%** | **100%** |

Đánh giá kiến thức về hút thuốc thụ động cho thấy không có sự khác biệt giữa kiến thức giữa 2 điều tra 2014 và 2015. Tỷ lệ đối tượng đưa ra câu trả lời đúng là “hít phải khói thuốc của người khác” gần như không thay đổi (23,3% và 23,6%). Các định nghĩa gần đúng như hít phải khói thuốc hay ảnh hưởng từ khói thuốc của người khác cũng không có sự thay đổi lớn. Tỷ lệ không biết, không rõ và trả lời sai vẫn ở mức cao ở cả 2 cuộc điều tra. Năm 2014, kết quả này là 53,2% trong khi tỷ lệ này của điều tra 2015 là 54,2%.

**Bảng 10.** Kiến thức về tác hại của hút thuốc lá thụ động

|  | **2014** | **2015** |
| --- | --- | --- |
| Rất có hại | 23,7% | 24,4% |
| Có hại  | 62,0% | 64,3% |
| Không có hại | 1,4% | 1,5% |
| Không biết | 12,9% | 9,7% |
| **Tổng** | 2637100,0% | 2633100,0% |

**Quan điểm về chính sách không khói thuốc**

**Bảng 11.** Tỷ lệ đối tượng nghiên cứu biết luật PCTHTL đã được ban hành

|  | **Hải Dương** | **Thái Bình** | **Khánh Hòa** | **Bình Định** | **Đồng Tháp** | **Bạc Liêu** | **Chung** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **2014** | **2015** | **2014** | **2015** | **2014** | **2015** | **2014** | **2015** | **2014** | **2015** | **2014** | **2015** | **2014** | **2015** |
| Có | 62,3 | 56,2 | 67,9 | 53,3 | 64,3 | 47,6 | 79,7 | 35,0 | 76,4 | 33,0 | 69,6 | 29,3 | 70,0 | 42,4 |
| Không | 37,7 | 43,8 | 32,1 | 46,7 | 35,7 | 52,4 | 20,3 | 65,0 | 23,6 | 67,0 | 30,4 | 70,7 | 30,0 | 57,6 |
| **Tổng** | **443** | **441** | **449** | **443** | **431** | **439** | **439** | **437** | **441** | **440** | **450** | **440** | **2654** | **2640** |

Tìm hiểu việc biết về luật PCTHTL của Việt Nam, kết quả nghiên cứu năm 2014 cho thấy tỷ lệ biết về việc ban hành luật là 70%. Tuy nhiên kết quả nghiên cứu năm 2015 cho thấy, tỷ lệ này giảm xuống còn 42,4%. So sánh 2 nghiên cứu 2014 và 2015, kết quả nghiên cứu cũng cho thấy tỷ lệ đối tượng nghiên cứu biết về việc ban hành luật PCTHTL của Việt Nam đều có sự sụt giảm tại từng tỉnh.

**Bảng 12.** Ủng hộ việc triển khai luật PCTHTL

|  | **Hải Dương** | **Thái Bình** | **Khánh Hòa** | **Bình Định** | **Đồng Tháp** | **Bạc Liêu** | **Chung** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **2014** | **2015** | **2014** | **2015** | **2014** | **2015** | **2014** | **2015** | **2014** | **2015** | **2014** | **2015** | **2014** | **2015** |
| Có | 94,8 | 95,9 | 95,3 | 94,6 | 81,4 | 94,3 | 94,1 | 78,7 | 92,3 | 87,3 | 95,1 | 84,3 | 92,2 | 89,2 |
| Không | 1,6 | 1,4 | 2,0 | 1,6 | 2,3 | 1,4 | 1,1 | 4,8 | 2,5 | 5,2 | 2,0 | 5,2 | 1,9 | 3,3 |
| Không trả lời | 3,6 | 2,7 | 2,7 | 3,8 | 16,2 | 4,3 | 4,8 | 16,5 | 5,2 | 7,5 | 2,9 | 10,5 | 5,8 | 7,6 |
| **Tổng** | **443** | **440** | **449** | **442** | **431** | **438** | **439** | **436** | **442** | **440** | **450** | **439** | **2654** | **2634** |

Tìm hiểu về sự ủng hộ đối với việc triển khai luật PCTHTL tại Việt Nam, kết quả nghiên cứu năm 2014 và 2015 đều cho thấy mức ủng hộ ở mức cao (sấp xỉ 90%).

**Biểu đồ 2.** Tỷ lệ ủng hộ của người dân với việc triển khai luật PCTHTL tại các địa điểm công cộng

Khi được tìm hiểu chi tiết về quan điểm của người dân đối với các quy định cấm hút thuốc cụ thể của luật PCTHTL, theo đối tượng nghiên cứu, đa phần các địa điểm công cộng đều cần được áp dụng luật PCTHTL. Tỷ lệ ủng hộ áp dụng luật PCTHTL cao nhất ở cơ quan nhà nước, các cơ sở y tế, cơ sở giáo dục (đặc biệt là nhà trẻ)… Tỷ lệ ủng hộ thấp nhất là 50% đối với tại quán bar, quán café và cao nhất là tại các cơ quan nhà nước.

So sánh kết quả điều tra 2014 và 2015, tỷ lệ ủng hộ của người dân đối với việc áp dụng luật PCTHTL với các địa điểm là không thay đổi nhiều. Đối với các các cơ sở y tế, cơ quan nhà nước và nhà trẻ (trường mẫu giáo), tỷ lệ ủng hộ áp dụng luật ở mức cao ở cả 2 điều tra (trên 96%). Tỷ lệ ủng hộ áp dụng với trường đại học 2014 là 90% và 91% với điều tra 2015. Trên các phương tiện giao thông công cộng, tỷ lệ của cả 2 điều tra đều ở mức 86%.

**Kết quả quan sát**

**Bảng 13.** Các cơ sở có Ban chỉ đạo PCTHTL

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **CQ Nhà nước** | **Giáo dục** | **Giao thông** | **Y tế** |
| **2014** | **2015** | **2014** | **2015** | **2014** | **2015** | **2014** | **2015** |
| *Có* | 34 | 25 | 40 | 43 | 9 | 9 | 46 | 37 |
| 26.98 | 21.01 | 40.4 | 38.74 | 31.03 | 23.08 | 33.58 | 31.9 |
| *Không* | 92 | 94 | 59 | 68 | 20 | 30 | 91 | 79 |
| 73.02 | 78.99 | 59.6 | 61.26 | 68.97 | 76.92 | 66.42 | 68.1 |
| Tổng | 126 | 119 | 99 | 111 | 29 | 39 | 137 | 116 |
| 100 | 100 | 100 | 100 | 100 | 100 | 100 | 100 |
| **P = 0.274** | **P = 0.805** | **P = 0.462** | **P = 0.777** |

**Bảng 14.** Có quyết định thành lập Ban Chỉ Đạo PCTHTL

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **CQ Nhà nước** | **Giáo dục** | **Giao thông** | **Y tế** |
|  | **2014** | **2015** | **2014** | **2015** | **2014** | **2015** | **2014** | **2015** |
| *Có* | 29 | 23 | 31 | 26 | 8 | 9 | 40 | 36 |
|  | 90.63 | 92 | 81.58 | 60.47 | 88.89 | 100 | 90.91 | 97.3 |
| *Không* | 3 | 2 | 7 | 17 | 1 | 0 | 4 | 1 |
|  | 9.38 | 8 | 18.42 | 39.53 | 11.11 | 0 | 9.09 | 2.7 |
| **Tổng** | 32 | 25 | 38 | 43 | 9 | 9 | 44 | 37 |
|  | 100 | 100 | 100 | 100 | 100 | 100 | 100 | 100 |
|  | **P = 0.856** | **P = 0.038** | **P = 0.303** | **P = 0.234** |

**Bảng 15.** Họp định kì của Ban Chỉ Đạo PCTHTL

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **CQ Nhà nước** | **Giáo dục** | **Giao thông** | **Y tế** |
| **2014** | **2015** | **2014** | **2015** | **2014** | **2015** | **2014** | **2015** |
| *Có* | 23 | 22 | 35 | 21 | 5 | 7 | 35 | 20 |
| 71.88 | 88 | 87.5 | 48.84 | 55.56 | 77.78 | 83.33 | 54.05 |
| *Không* | 9 | 3 | 5 | 22 | 4 | 2 | 7 | 17 |
| 28.13 | 12 | 12.5 | 51.16 | 44.44 | 22.22 | 16.67 | 45.95 |
| **Tổng** | **32** | **25** | **40** | **43** | **9** | **9** | **42** | **37** |
| **P = 0.551** | **P = 0.000** | **P = 0.527** | **P = 0.222** |

**Bảng 16.** Quan sát nội quy/Quy định cấm hút thuốc tại các cơ quan, cơ sở

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **CQ NN** | **Giáo dục** | **Giao thông** | **Y tế** | **Công cộng** | **Khách sạn** | **Nhà hàng** |
| **2014** | **2015** | **2014** | **2015** | **2014** | **2015** | **2014** | **2015** | **2014** | **2015** | **2014** | **2015** | **2014** | **2015** |
| Có | 117 | 101 | 94 | 98 | 21 | 30 | 107 | 104 | 30 | 37 | 28 | 13 | 7 | 5 |
| 92.13 | 83.47 | 93.07 | 88.29 | 72.41 | 76.92 | 78.1 | 90.43 | 40 | 44.58 | 54.9 | 41.94 | 17.07 | 15.63 |
| Không | 10 | 20 | 7 | 13 | 8 | 9 | 30 | 11 | 45 | 46 | 23 | 18 | 34 | 27 |
| 7.87 | 16.53 | 6.93 | 11.71 | 27.59 | 23.08 | 21.9 | 9.57 | 60 | 55.42 | 45.1 | 58.06 | 82.93 | 84.38 |
| **Tổng** | **127** | **121** | **101** | **111** | **29** | **39** | **137** | **115** | **75** | **83** | **51** | **31** | **41** | **32** |

**Bảng 13.** Biển cấm hút thuốc tại Cổng chính của các cơ sở

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **CQNN** | **Giáo dục** | **Giao thông** | **Y tế** | **Công cộng** |
| **2014** | **2015** | **2014** | **2015** | **2014** | **2015** | **2014** | **2015** | **2014** | **2015** |
| *Có* | 20 | 13 | 16 | 8 | 5 | 7 | 21 | 31 | 11 | 14 |
| 16,26 | 10,74 | 14,55 | 6,78 | 17,24 | 17,95 | 15,67 | 26,05 | 14,86 | 15,91 |
| *Không* | 100 | 105 | 93 | 110 | 18 | 27 | 108 | 80 | 58 | 63 |
| 81,3 | 86,78 | 84,55 | 93,22 | 62,07 | 69,23 | 80,6 | 67,23 | 78,38 | 71,59 |
| *Không có khu vực* | 3 | 3 | 1 | 0 | 6 | 5 | 5 | 8 | 5 | 11 |
| 2,44 | 2,48 | 0,91 | 0 | 20,69 | 12,82 | 3,73 | 6,72 | 6,76 | 12,5 |
| **Tổng** | **123** | **121** | **110** | **118** | **29** | **39** | **134** | **119** | **74** | **88** |

**Bảng 14.** Biển cấm hút thuốc tại phòng làm việc

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **CQNN** | **Giáo dục** | **Giao thông** | **Y tế** | **Công cộng** |
|  | **2014** | **2015** | **2014** | **2015** | **2014** | **2015** | **2014** | **2015** | **2014** | **2015** |
| *Có* | 74 | 43 | 31 | 21 | 15 | 15 | 72 | 69 | 18 | 15 |
| 59,2 | 35,54 | 28,18 | 17,8 | 51,72 | 38,46 | 53,33 | 57,98 | 24,66 | 17,05 |
| *Không* | 51 | 78 | 79 | 96 | 11 | 18 | 62 | 49 | 40 | 39 |
| 40,8 | 64,46 | 71,82 | 81,36 | 37,93 | 46,15 | 45,93 | 41,18 | 54,79 | 44,32 |
| *Không có khu vực* | 0 | 0 | 0 | 1 | 3 | 6 | 1 | 1 | 15 | 34 |
| 0 | 0 | 0 | 0,85 | 10,34 | 15,38 | 0,74 | 0,84 | 20,55 | 38,64 |
| **Tổng** | 125 | 121 | 110 | 118 | 29 | 39 | 135 | 119 | 73 | 88 |

**Bảng 15**. Biển cấm hút thuốc tại Phòng họp/Hội nghị

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **CQNN** | **Giáo dục** | **Giao thông** | **Y tế** | **Công cộng** |
| **2014** | **2015** | **2014** | **2015** | **2014** | **2015** | **2014** | **2015** | **2014** | **2015** |
| *Có* | 93 | 57 | 41 | 25 | 11 | 9 | 60 | 52 | 15 | 15 |
| 74,4 | 47,11 | 36,94 | 21,19 | 37,93 | 23,08 | 44,44 | 43,7 | 20,55 | 17,05 |
| *Không* | 32 | 59 | 70 | 93 | 7 | 14 | 74 | 67 | 30 | 30 |
| 25,6 | 48,76 | 63,06 | 78,81 | 24,14 | 35,9 | 54,81 | 56,3 | 41,1 | 34,09 |
| *Không có khu vực* | 0 | 5 | 0 | 0 | 11 | 16 | 1 | 0 | 28 | 43 |
| 0 | 4,13 | 0 | 0 | 37,93 | 41,03 | 0,74 | 0 | 38,36 | 48,86 |
| **Tổng** | **125** | **121** | **111** | **118** | **29** | **39** | **135** | **119** | **73** | **88** |
| **100** | **100** | **100** | **100** | **100** | **100** | **100** | **100** | **100** | **100** |

**Bảng 16.** Quan sát biển cấm hút thuốc tại Hành lang

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **CQNN** | **Giáo dục** | **Giao thông** | **Y tế** | **Công cộng** |
| **2014** | **2015** | **2014** | **2015** | **2014** | **2015** | **2014** | **2015** | **2014** | **2015** |
| *Có* | 67 | 43 | 48 | 24 | 10 | 15 | 16 | 16 | 16 | 14 |
| 53,6 | 35,54 | 43,24 | 20,34 | 34,48 | 38,46 | 11,85 | 13,45 | 21,62 | 15,91 |
| *Không* | 57 | 78 | 62 | 94 | 13 | 17 | 116 | 100 | 50 | 62 |
| 45,6 | 64,46 | 55,86 | 79,66 | 44,83 | 43,59 | 85,93 | 84,03 | 67,57 | 70,45 |
| *Không có khu vực* | 1 | 0 | 1 | 0 | 6 | 7 | 3 | 3 | 8 | 12 |
| 0,8 | 0 | 0,9 | 0 | 20,69 | 17,95 | 2,22 | 2,52 | 10,81 | 13,64 |
| **Tổng** | **125** | **121** | **111** | **118** | **29** | **39** | **135** | **119** | **74** | **88** |

**Bảng 17.** Quan sát mẩu thuốc lá trong khuôn viên đơn vị

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **CQ NN** | **Giáo dục** | **Giao thông** | **Y tế** | **Công cộng** | **Khách sạn** | **Nhà hàng** |
| **2014** | **2015** | **2014** | **2015** | **2014** | **2015** | **2014** | **2015** | **2014** | **2015** | **2014** | **2015** | **2014** | **2015** |
| Có | 67 | 85 | 32 | 44 | 12 | 23 | 48 | 55 | 42 | 67 | 25 | 14 | 31 | 20 |
| 52,7 | 70,3 | 28,8 | 37,3 | 41,4 | 59,0 | 34,3 | 46,2 | 56 | 76,1 | 49,0 | 45,2 | 73,8 | 62,5 |
| Không | 60 | 36 | 79 | 74 | 17 | 16 | 92 | 64 | 33 | 21 | 26 | 17 | 11 | 12 |
| 47,3 | 29,7 | 71,2 | 62,7 | 58,6 | 41,0 | 65,7 | 53,8 | 44 | 23,9 | 51,0 | 54,8 | 26,2 | 37,5 |
| Tổng | 127 | 121 | 111 | 118 | 29 | 39 | 140 | 119 | 75 | 88 | 51 | 31 | 42 | 32 |

**Kết quả phỏng vấn định tính**

**KẾT LUẬN**

* Tỷ lệ sử dụng thuốc lá của nghiên cứu giảm nhẹ sau 1 năm nghiên cứu (1,5%)
* Sự thay đổi đến từ sự thay đổi trong việc hút thuốc của nam giới và ở khu vực nông thôn
* Hành vi hút thuốc lá tại các khu vực công cộng chưa có sự thay đổi tích cực.
* Người hút thuốc đã cải thiện hơn về việc hút thuốc nơi có biển báo cấm. Đặc biệt tại các cơ quan nhà nước, trường học, nhà trẻ, tạp chiếu phim
* Tình trạng hút thuốc thụ động được ghi nhận tăng sau 1 năm nghiên cứu
* Ý thức về tác hại của hút thuốc thụ động cải thiện sau 1 năm. Đặc biệt trong nhóm đối tượng hút thuốc
* Ghi nhận hành vi hút thuốc tại nơi làm việc giảm sau 1 năm. Tuy nhiên, tại phòng làm việc tỷ lệ này lại tăng lên.
* Ghi nhận hành vi hút thuốc tại các địa điểm công cộng không có sự cải thiện
* Tỷ lệ biết về luật và triển khai luật PCTHTL giảm sau 1 năm can thiệp. Lý do giải thích có thể do việc tuyên truyền tời người dân giảm hoặc do người dân đã giảm sự chú ý.
* Tỷ lệ ủng hộ việc triển khai luật PCTHTL vẫn ở mức cao
* Việc thành lập Ban chỉ đạo của các cơ quan diễn ra ít hơn so với 2014
* Hoạt động họp định kì của các ban chỉ đạo diễn ra ít hơn rất nhiều so với 2014
* Biển báo cấm hút thuốc tại các cơ quan, nơi làm việc cũng giảm nhiều so với 2014
* Quan sát mẩu thuốc lá cũng thấy xuất hiện nhiều hơn tại các cơ quan làm việc

**PHỤ LỤC**

MẪU 1:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **MÃ SỐ BCH:** |  |  |  |  |  |

KHẢO SÁT Ý KIẾN VỀ VIỆC THỰC THI

LUẬT PHÒNG, CHỐNG TÁC HẠI CỦA THUỐC LÁ

**Đối tượng:** **Người trưởng thành (từ 18 – 60 tuổi)**, là người dân sinh sống tại một trong các tỉnh bao gồm Hải Dương, Thái Bình, Khánh Hòa, Bình Định, Đồng Tháp, Bạc Liêu.

Mã số phiếu được đánh theo quy tắc: Tên viết tắt của tỉnh + số thứ tự và được đánh từ 001 cho tới hết (Vd: Phiếu thứ nhất ở Khánh Hòa sẽ được đánh mã KH001)

Thưa anh/chị, phiếu hỏi này nhằm mục đích tìm hiểu quan điểm của anh/chị với việc thực thi của Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá. Xin anh/chị vui lòng để tôi phỏng vấn trong khoảng 5-10 phút. Thông tin anh/chị cung cấp sẽ rất hữu ích cho việc định hướng các hoạt động để thực thi Luật một cách có hiệu quả hơn tại nơi làm việc và nơi công cộng. Chúng tôi xin chân thành cảm ơn anh/chị!

**LỰA CHỌN ĐỐI TƯỢNG PHỎNG VẤN**

|  |  |
| --- | --- |
| **DANH SÁCH NGƯỜI TRONG HỘ GIA ĐÌNH** **TỪ 18 – 60 TUỔI** | **CHỮ SỐ CUỐI CÙNG CỦA MÃ SỐ BỘ CÂU HỎI** |
| 0 | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 |
| Không có đối tượng nào phù hợp | KẾT THÚC PHỎNG VẤN |
| Tên thành viên trong gia đình | Tuổi |  |
| Thành viên 1: |  | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |
| Thành viên 2 |  | 1 | 2 | 1 | 2 | 1 | 2 | 1 | 2 | 1 | 2 |
| Thành viên 3: |  | 3 | 1 | 2 | 3 | 1 | 2 | 3 | 1 | 2 | 3 |
| Thành viên 4: |  | 1 | 2 | 3 | 4 | 1 | 2 | 3 | 4 | 1 | 2 |
| Thành viên 5: |  | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| Thành viên 6: |  | 6 | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 1 | 2 | 3 |
| Thành viên 7: |  | 5 | 6 | 7 | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 |
| Thành viên 8: |  | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 1 | 2 |
| Thành viên 9: |  | 8 | 9 | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| Thành viên 10: |  | 9 | 10 | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |

Điều tra viên: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Ngày phỏng vấn: \_\_\_/\_\_\_/\_\_\_\_\_

 Địa chỉ hộ gia đình: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Nếu anh/chị vui lòng, có thể cho chúng tôi xin số điện thoại. Chúng tôi cam đoan chỉ sử dụng số điện thoại này trong trường hợp chúng tôi muốn liên lạc với anh/chị để tìm hiểu thêm thông tin cho nghiên cứu này. Anh/chị có thể từ chối không cung cấp.

Số điện thoại người trả lời phỏng vấn: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**CÂU HỎI PHỎNG VẤN**

| .**STT** | **Câu hỏi** | **Câu trả lời** | **Đáp án** | **Chuyển câu** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **A. THÔNG TIN CHUNG** |
| A1 | Tỉnh  | Hải Dương | 1 |  |
|  |  | Thái BìnhKhánh HòaBình ĐịnhĐồng ThápBạc Liêu | 23456 |  |
| A2 | Giới tính(Quan sát,) | NamNữ | 12 |  |
| A3 | Năm sinh(Nếu không nhớ thì ghi tuổi dương lịch) | \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ |  |  |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| A4 | Nghề nghiệp |  Công nhân viên chức nhà nước | 1 |  |
|  |  | Công nhân viên chức ngoài quốc doanh | 2 |  |
|  |  | Làm nghề tự do | 3 |  |
|  |  | Sinh viên | 4 |  |
|  |  | Nội trợ | 5 |  |
|  |  | Hưu trí | 6 |  |
|  |  | Thất nghiệp, còn khả năng lao động | 7 |  |
|  |  | Thất nghiệp, không còn khả năng lao động | 8 |  |
|  |  | Khác | 88 |  |
|  |  | Không biết | 99 |  |
| **B. THÓI QUEN HÚT THUỐC** |
| B1 | Hiện tại, anh/chị có hút thuốc lá/thuốc lào/xì gà không? | Có, hút hàng ngày | 1 | **🡪 B4** |
|  | Có, nhưng không hút hàng ngày | 2 |  |
|  | Không hút | 3 | **🡪 B3** |
|  | Không biết | 4 | **🡪 B3** |
| B2 | Trước đây, anh/chị có hút thuốc lá/thuốc lào/xì gà **HÀNG NGÀY** không? | CóKhôngKhông biết | 123 | **🡪 B4****🡪 B4****🡪 B4** |
| B3 | Trước đây, anh/chị hút thuốc lá/thuốc lào/xì gà với tần suất như thế nào? | Hàng ngày | 1 | **🡪 C1** |
|  | Có hút, nhưng không hút hàng ngày | 2 | **🡪 C1** |
|  | Không hút | 3 | **🡪 C1** |
|  | Không biết | 4 | **🡪 C1** |

**B4.** **Trong vòng 30 ngày qua, anh/chị có hút thuốc tại các địa điểm sau không?**

Điều tra viên liệt kê từng địa điểm và đánh dấu vào từng địa điểm mà có hút thuốc. Nếu trong vòng 30 ngày qua đối tượng không đến địa điểm đó, hãy đánh dấu “Không đến trong vòng 30 ngày qua”. Nếu đối tượng trả lời “Có”, điều tra viên hỏi tiếp “Nơi anh/chị hút thuốc có treo biển cấm không?”

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Điểm công cộng** | **Có** | **Không** | **Không đến trong vòng 30 ngày qua** | **Nơi anh/chị hút thuốc có treo biển cấm không** |
| **Có** | **Không** | **Không biết/không để ý** |
|  | Cơ quan nhà nước | □1 | □2 | □3 | □ | □ | □ |
|  | Bệnh viện, cơ sở y tế khác | □1 | □2 | □3 | □ | □ | □ |
|  | Nhà hàng (Trong nhà) | □1 | □2 | □3 | □ | □ | □ |
|  | Quán bar, trà, cà phê trong nhà | □1 | □2 | □3 | □ | □ | □ |
|  | Trên phương tiện giao thông công cộng | □1 | □2 | □3 | □ | □ | □ |
|  | Phòng đợi của nhà ga, bến xe, sân bay, bến cảng | □1 | □2 | □3 | □ | □ | □ |
|  | Nhà trẻ, nhà thiếu nhi hoặc trường học (tiểu học, trung học) | □1 | □2 | □3 | □ | □ | □ |
|  | Trường đại học, cao đẳng, nghề | □1 | □2 | □3 | □ | □ | □ |
|  | Thư viện, rạp hát hoặc rạp chiếu phim  | □1 | □2 | □3 | □ | □ | □ |
|  | Nhà văn hóa địa phương | □1 | □2 | □3 | □ | □ | □ |
|  | Nhà thi đấu thể thao, sân vận động có mái che, trung tâm triển lãm | □1 | □2 | □3 | □ | □ | □ |
|  | Khu vực làm việc trong nhà khác | □1 | □2 | □3 | □ | □ | □ |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| .**STT** | **Câu hỏi** | **Câu trả lời** | **Đáp án** | **Chuyển câu** |
| **C. TIẾP XÚC VỚI KHÓI THUỐC** |
| C1 | **Trong 30 ngày qua,** tần suất mà anh/chị hít phải khói thuốc **TẠI NHÀ**? | Hàng ngày | 1 |  |
| Hàng tuần | 2 |
| Hàng tháng | 3 |
| Không hít phải khói thuốc **Ở NHÀ** trong 30 ngày | 4 |
| Không biết | 5 |
| C2 | **Trong 30 ngày qua,** tần suất mà anh/chị hít phải khói thuốc **TẠI NƠI LÀM VIỆC**? | Hàng ngày | 1 |  |
| Hàng tuần | 2 |  |
| Hàng tháng | 3 |  |
| Không hít phải khói thuốc **Ở NƠI LÀM VIỆC** trong 30 ngày | 4 | 🡺 **C4** |
| Không biết | 5 |  |
| C3 | Anh/chị hít phải khói thuốc **tại khu vực nào** trong cơ quan/nơi làm việc của anh/chị?(Có thể khoanh **NHIỀU** lựa chọn) | Phòng bảo vệ, thường trựcTiền sảnhPhòng làm việcPhòng họp, hội trườngNgoài cửa phòng/hành langTrong khu vệ sinh/toa létKhu vực ngoài trời trong khuôn viên đơn vịCăng tin/quán nước, café trong khuôn viênNhà kho/các góc khuất khác trong khuôn viên | 123456789 |  |

**C4. Trong 30 ngày qua, anh/chị có gặp người hút thuốc ở những địa điểm sau đây hay không?**

Lưu ý: Đánh dấu vào ô số 1 nếu có gặp, ô số 2 nếu không gặp. Nếu Người được hỏi không đến địa điểm đó trong 30 ngày qua thì đánh dấu ô số 3 tương ứng.Nếu người được hỏi trả lời là có, hỏi tiếp “Nhân viên ở đó có nhắc nhở không?”

| **Địa điểm công cộng** | **Có gặp** | **Không gặp** | **Không đến trong 30 ngày qua** | **Nếu có, nhân viên có nhắc nhở không** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  | ▼ | ▼ | ▼ | Có | Không | Không biết |
|  | Cơ sở y tế: Bệnh viện, phòng khám | □1 | □2 | □3 | □ | □ | □ |
|  | Cơ sở giáo dục: mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông các cấp; cơ sở bảo trợ xã hội, trường giáo dưỡng. | □1 | □2 | □3 | □ | □ | □ |
|  | Khu vui chơi giải trí dành riêng cho trẻ em. | □1 | □2 | □3 | □ | □ | □ |
|  | Thư viện, rạp chiếu phim, nhà hát.  | □1 | □2 | □3 | □ | □ | □ |
|  | Khu vực làm việc trong nhà, khu vực sản xuất trong nhà. | □1 | □2 | □3 | □ | □ | □ |
|  | Khu vực có nguy cơ cháy, nổ cao. | □1 | □2 | □3 | □ | □ | □ |
|  | Trên các phương tiện giao thông công cộng đường bộ, đường hàng không | □1 | □2 | □3 | □ | □ | □ |
|  | Cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học và sau đại học. | □1 | □2 | □3 | □ | □ | □ |
|  | Trụ sở cơ quan, tổ chức. | □1 | □2 | □3 | □ | □ | □ |
|  | Nhà văn hóa, nhà thi đấu thể thao, sân vận động có mái che, trung tâm triển lãm. | □1 | □2 | □3 | □ | □ | □ |
|  | Trên các phương tiện giao thông công cộng đường sắt, đường thủy, đường biển. | □1 | □2 | □3 | □ | □ | □ |
|  | Phòng đợi của nhà ga, bến xe, sân bay, bến cảng. | □1 | □2 | □3 | □ | □ | □ |
|  | Các nơi tổ chức đám cưới, lễ hội. | □1 | □2 | □3 | □ | □ | □ |
|  | Các nhà hàng, quán bar, quán cafe, karaoke, khách sạn, vũ trường và các khu vui chơi, giải trí trong nhà khác. | □1 | □2 | □3 | □ | □ | □ |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| .**STT** | **Câu hỏi** | **Câu trả lời** | **Đáp án** | **Chuyển câu** |
| C5 | Khi nhìn thấy người đó hút thuốc, anh/chị đã làm gì? | Không làm gì cảĐi ra chỗ khác để tránh không hít phải khói thuốcGóp ý người đó dập thuốc hoặc ra nơi khác hútKhác (ghi rõ) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_Không biết | 1238899 |  |
| **D. HÚT THUỐC THỤ ĐỘNG** |
| D1 | Theo anh/chị thế nào là **hút thuốc thụ động**? | \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ |  |  |
| D2 | Theo anh/chị, **hút thuốc thụ động** có hại cho sức khỏe không? | Rất có hạiCó hạiKhông có hạiKhông biết | 1234 | **🡪 F1****🡪 F1** |

**D3. Nếu có, theo anh/chị hít phải khói thuốc thụ động có thể mắc những bệnh nào ? Hãy đánh dấu vào từng lựa chọn với từng loại bệnh mà đối tượng trả lời..**

Lưu ý, điều tra viên KHÔNG GỢI Ý, mà để cho người được hỏi tự trả lời. Hãy đánh dấu vào từng lựa chọn với từng loại bệnh mà người được hỏi trả lời hoặc điền vào ô Bệnh khác nếu bệnh mà đối tượng trả lời không có trong danh sách.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  |  | **Có** | **Không** |
|  | Bệnh tim mạch | □1 | □2 |
|  | Các bệnh phổi | □1 | □2 |
|  | Ung thư phổi | □1 | □2 |
|  | Các ung thư khác | □1 | □2 |
|  | Trẻ nhẹ cân | □1 | □2 |
|  | Sẩy thai | □1 | □2 |
|  | Bệnh khác (Ghi rõ):  | □1 | □2 |
|  | ………………………………………………………………. ……………………………………………………………….……………………………………………………………….……………………………………………………………….  |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| .**STT** | **Câu hỏi** | **Câu trả lời** | **Đáp án** | **Chuyển câu** |
| **F. QUAN ĐIỂM VỀ CHÍNH SÁCH KHÔNG KHÓI THUỐC** |
| F1 | Anh/Chị có biết về **Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá** của Việt Nam hay không? | CóKhông | 12 |  |
| F2 | Anh/Chị có ủng hộ việc triển khai Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá hay không? | CóKhôngKhông để ý/không quan tâm | 1299 |  |

**F3. Anh/chị ủng hộ cho việc triển khai Luật cấm hút thuốc tại các địa điểm nào sau đây?**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  | **Có** | **Không** | **Không biết** |
|  | Cơ quan nhà nước | □1 | □2 | □3 |
|  | Bệnh viện, cơ sở y tế khác | □1 | □2 | □3 |
|  | Nhà hàng  | □1 | □2 | □3 |
|  | Khách sạn | □1 | □2 | □3 |
|  | Quán bar, trà, cà phê  | □1 | □2 | □3 |
|  | Trên phương tiện giao thông công cộng | □1 | □2 | □3 |
|  | Phòng đợi của nhà ga, bến xe, sân bay, bến cảng | □1 | □2 | □3 |
|  | Nhà trẻ, nhà thiếu nhi hoặc trường học (tiểu học, trung học) | □1 | □2 | □3 |
|  | Trường đại học, cao đẳng, nghề | □1 | □2 | □3 |
|  | Thư viện, rạp hát hoặc rạp chiếu phim  | □1 | □2 | □3 |
|  | Nhà văn hóa địa phương | □1 | □2 | □3 |
|  | Nhà thi đấu thể thao, sân vận động có mái che, trung tâm triển lãm | □1 | □2 | □3 |
|  | Khu vực làm việc trong nhà khác | □1 | □2 | □3 |

**F4. Hãy nêu mức độ anh/chị đồng ý hoặc không đồng ý với các nhận định sau?**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Nhận định** | **Hoàn toàn đồng ý** | **Đồng ý** | **Trung lập** | **Không đồng ý** | **Hoàn toàn không đồng ý** |
|  | Người hút thuốc có quyền được hút thuốc tại khu vực cấm hút thuốc | □1 | □2 | □3 | □4 | □5 |
|  | Nếu ai đó không muốn hít phải khói thuốc, thì họ nên đi ra chỗ khác  | □1 | □2 | □3 | □4 | □5 |
|  | Người không hút thuốc có quyền hít thở không khí trong lành không khói thuốc lá | □1 | □2 | □3 | □4 | □5 |
|  | Người không hút thuốc không cần phải lo lắng về sức khỏe khi ở trong phòng có người hút thuốc | □1 | □2 | □3 | □4 | □5 |
|  | Quy định cấm hút thuốc nơi công cộng bảo vệ sức khỏe của người không hút thuốc | □1 | □2 | □3 | □4 | □5 |
|  | Quy định cấm hút thuốc nơi công cộng bảo vệ sức khỏe của người hút thuốc | □1 | □2 | □3 | □4 | □5 |

**F5.** **Xin Anh/chị cho biết THEO QUY ĐỊNH NHÀ NƯỚC, những địa điểm nào sau đây có quy định cấm hút thuốc? *(\*Cấm hoàn toàn*** *là cấm hút thuốc lá ở cả trong nhà và ngoài trời****)***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Địa điểm công cộng** | **Cấm hút trong nhà**  | **Cấm hoàn toàn**  | **Không** | **Không biết/không trả lời** |
|  |  | ▼ | ▼ | ▼  | ▼ |
|  | Cơ sở y tế: Bệnh viện, phòng khám | □1 | □2 | □3 | □4 |
|  | Cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông các cấp; cơ sở bảo trợ xã hội, trường giáo dưỡng. | □1 | □2 | □3 | □4 |
|  | Khu vui chơi giải trí dành riêng cho trẻ em. | □1 | □2 | □3 | □4 |
|  | Thư viện, rạp chiếu phim, nhà hát.  | □1 | □2 | □3 | □4 |
|  | Khu vực làm việc trong nhà, khu vực sản xuất trong nhà. | □1 | □2 | □3 | □4 |
|  | Khu vực có nguy cơ cháy, nổ cao. | □1 | □2 | □3 | □4 |
|  | Trên các phương tiện giao thông công cộng đường bộ, đường hàng không | □1 | □2 | □3 | □4 |
|  | Cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học và sau đại học. | □1 | □2 | □3 | □4 |
|  | Trụ sở cơ quan, tổ chức. | □1 | □2 | □3 | □4 |
|  | Nhà văn hóa, nhà thi đấu thể thao, sân vận động có mái che, trung tâm triển lãm. | □1 | □2 | □3 | □4 |
|  | Trên các phương tiện giao thông công cộng đường sắt, đường thủy, đường biển. | □1 | □2 | □3 | □4 |
|  | Phòng đợi của nhà ga, bến xe, sân bay, bến cảng. | □1 | □2 | □3 | □4 |
|  | Các nơi tổ chức đám cưới, lễ hội. | □1 | □2 | □3 | □4 |
|  | Các nhà hàng, quán bar, karaoke, khách sạn, vũ trường và các khu vui chơi, giải trí trong nhà khác. | □1 | □2 | □3 | □4 |

**XIN CẢM ƠN ANH/CHỊ ĐÃ CUNG CẤP THÔNG TIN!**

MẪU 3:

PHIẾU QUAN SÁT THỰC THI XÂY DỰNG CƠ QUAN CÔNG SỞ KHÔNG KHÓI THUỐC

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **MÃ SỐ BCH:** |  |  |  |  |  |

**Ngày giám sát**

**Tên đơn vị**

**Địa chỉ \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**Người trả lời phỏng vấn \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_Điện thoại\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**Giám sát viên**

**Tỉnh:** **1.** Thái Bình **2.** Hải Dương **3.** Khánh Hòa **4.** Bình Định **5.** Đồng Tháp **6.** Bạc Liêu

**HƯỚNG DẪN ĐIỀN PHIẾU**

* Điều tra viên khoanh tròn vào mã tỉnh trước khi tiến hành phỏng vấn và quan sát tại đơn vị.
* Với phần 1, 2, 3, giám sát viên phỏng vấn lãnh đạo/người phụ trách công tác PCTHTL của đơn vị.
* Với phần 4, giám sát viên tự quan sát và điền phiếu.
* **CÓ**: Có quan sát thấy hiện tượng/hành vi. Ví dụ, tại địa điểm quan sát có biển “không hút thuốc lá” thì giám sát viên đánh dấu (x) vào ô **CÓ**.
* **KHÔNG**: Không quan sát thấy hiện tượng/hành vi. Ví dụ, tại địa điểm quan sát không treo biển biển “không hút thuốc lá” thì giám sát viên đánh dấu (x) vào ô **KHÔNG**.
* **KHÔNG CÓ KHU VỰC NÀY**: Đánh dấu (x) vào mục này nếu cơ quan/đơn vị không có khu vực chức năng này
* **KHÔNG QUAN SÁT ĐƯỢC:** Với các mục 12, 13 nếu không có hành vi hút thuốc xảy ra thì đánh dấu (x) vào ô **KHÔNG QUAN SÁT ĐƯỢC.**

**Phần 1. Ban chỉ đạo phòng chống tác hại thuốc lá**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung giám sát** | **Có** | **Không**  |
| 1 | Cơ quan/đơn vị có thành lập Ban chỉ đạo (BCĐ) phòng chống tác hại thuốc lá không? (Nếu KHÔNG, chuyển sang hỏi tiếp từ phần 2 – Nếu CÓ thì hỏi tiếp phần 1) | 🞎 | 🞎 |
| 2 | Nếu có thành lập BCĐ, cơ quan/đơn vị có Quyết định thành lập không? (***Nếu có, đề nghị xin một bản phô tô***) | 🞎 | 🞎 |
| 3 | BCĐ có phân công nhiệm vụ cho từng thành viên không? | 🞎 | 🞎 |
| 4 | BCĐ có họp định kỳ không? (Nếu không, chuyển sang hỏi tiếp phần 2)*(Buổi họp có thể tổ chức riêng hoặc lồng ghép vào buổi họp khác của đơn vị)* | 🞎 | 🞎 |
| 5 | Định kỳ bao lâu một lần? | Hàng tuần🞎 | Hàng tháng🞎 | Hàng quý🞎 | 6 tháng 1 lần🞎 | 1 năm 1 lần🞎 |

**Phần 2. Nội quy/quy định cấm hút thuốc**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung giám sát** | **Có** | **Không**  |
| 1 | Cơ quan có quy định cấm hút thuốc không? |  |  |
|  | a. Có nội quy riêng về cấm hút thuốc | 🞎 | 🞎 |
|  |  b. Lồng ghép vào Quy chế/Quy định có sẵn của cơ quan | 🞎 | 🞎 |
| 2 | Nội quy được xây dựng dựa trên góp ý của các cán bộ nhân viên trong cơ quan không? | 🞎 | 🞎 |
| 3 | Hình thức góp ý kiến: |  |  |
|  | a. Tổ chức cuộc họp lấy ý kiến | 🞎 | 🞎 |
|  | b. Đưa ra các cuộc họp của cơ quan | 🞎 | 🞎 |
|  | c. Phản hồi bằng văn bản | 🞎 | 🞎 |
|  |  d. Khác (Ghi rõ): \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ | 🞎 | 🞎 |
| 4 | Nội quy có đề cập đến hình thức xử lý không? | 🞎 | 🞎 |
| 5 | Nếu có, ghi rõ là hình thức xử lý như thế nào: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ |  |  |

**Phần 3. Triển khai kế hoạch**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung giám sát** | **Có** | **Không** |
| 1 | Có tiến hành khảo sát tình hình sử dụng thuốc lá của **cán bộ nhân viên** không? (***Nếu có, đề nghị xin một bản phô tô***) | 🞎 | 🞎 |
| 2 | Có bản kế hoạch triển khai quy định cấm hút thuốc của đơn vị không? (***Nếu có, đề nghị xin một bản phô tô***) | 🞎 | 🞎 |
| 3 | Có tập huấn cho cán bộ đươc phân công giám sát không? | 🞎 | 🞎 |
| 4 | Có phổ biến nội quy/quy chế cấm hút thuốc cho cán bộ nhân viên không?  | 🞎 | 🞎 |
| 5 | Nếu có, các hình thức phổ biến là gì? |  |  |
|  | 1. Tổ chức buổi phổ biến, tuyên truyền
 | 🞎 | 🞎 |
|  | 1. Phổ biến trong các cuộc họp của cơ quan
 | 🞎 | 🞎 |
|  | 1. Treo nội quy, biển báo cấm ở những khu vực trong cơ quan (cổng vào, trong phòng, căng tin, hành lang…)
 | 🞎 | 🞎 |
|  | 1. Phổ biến bằng văn bản
 | 🞎 | 🞎 |
|  | 1. Khác (Ghi rõ – Ví dụ Poster, tranh ảnh, màn hình LCD…): ……………………………………………………………………….

……………………………………………………………………….………………………………………………………………………. |  |  |
| 6 | Có thông báo cho khách đến làm việc biết về quy định cấm hút thuốc trong cơ quan không? | 🞎 | 🞎 |
| 7 | Có tổ chức các hoạt động tuyên truyền (truyền thông) về phòng chống tác hại thuốc lá không? | 🞎 | 🞎 |
| 8 | Nếu có đó là những hoạt động gì (Ghi rõ dưới đây – Ví dụ: Tổ chức tuyên truyền, lồng ghép, treo dán poster, tranh ảnh…)……………………………………………………………………..……………………………………………………………………..…………………………………………………………………….. |  |  |

**Phần 4. Quan sát**

| **Nội dung quan sát** | **Có** |  **Không**  | **Không có khu vực này** |
| --- | --- | --- | --- |
| **Vị trí của các biển cấm hút thuốc** |  |  |  |
| 1 | Có nhìn thấy biển cấm hút thuốc ở những vị trí sau đây không? |  |
|  | a. Cổng chính | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | b. Phòng bảo vệ, thường trực | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | c. Trong phòng làm việc | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | d. Phòng họp/hội trường | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | e. Ngoài cửa phòng | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | f. Hành lang | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | g. Ngoài sân | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | h. Căng tin, quán café, quán nước trong khuôn viên | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
| 2 | Theo anh/chị biển báo này như thế nào?***(Chỉ chọn 1 phương án)*** | 🞎 Biển rõ ràng và dễ thấy |  |
|  | 🞎 Chỉ một vài biển rõ ràng và dễ thấy |  |
|  | 🞎 Các biển không dễ thấy |  |
| 3 | Có nhìn thấy bất cứ nội quy “Cấm hút thuốc” nào không? | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
| 4 | Có bất cứ biển cảnh báo nào về việc xử lý không? *(****Định nghĩa:*** *là biển báo ghi rõ hình thức xử lý vi phạm) (Nếu không có biển cảnh báo thì chuyển sang hỏi từ câu 6)* | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
| 5 | Theo anh/chị biển cảnh báo này như thế nào?***(Chỉ chọn 1 phương án)*** | 🞎 Biển rõ ràng và dễ thấy |  |
|  | 🞎 Chỉ một vài biển rõ ràng và dễ thấy |  |
|  | 🞎 Các biển không dễ thấy |  |
| **Các đồ vật** |  |  |  |
| 6 | Có gạt tàn ở những nơi sau đây không? |  |  |  |
|  | a. Phòng bảo vệ, thường trực | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | b. Phòng họp/hội trường | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | c. Trong phòng làm việc | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | d. Hành lang | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | e. Căng tin, quán café, quán nước trong khuôn viên | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
| 7 | Có bán thuốc lá trong khuôn viên (ví dụ, căng tin) không?  | 🞎 | 🞎 |  |
| Quan sát sự tuân thủ ở khu vực cấm  |  |  |  |
| 8 | Có thấy người hút thuốc ở trong khuôn viên không? | 🞎 | 🞎 |  |
| 9 | Nếu có, ai là người hút thuốc? |  |  |  |
|  | a. Nhân viên đơn vị, bảo vệ… | 🞎 | 🞎 |  |
|  | b. Khách đến làm việc | 🞎 | 🞎 |  |
| 10 | Có mùi khói thuốc ở những nơi sau không? |  |  |  |
|  | a. Cổng chính | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | b. Phòng bảo vệ, thường trực | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | c. Trong phòng làm việc | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | d. Phòng họp/hội trường | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | e. Hành lang | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | f. Ngoài sân | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | g. Căng tin, quán café, quán nước trong khuôn viên | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
| 11 | Có mẩu thuốc lá ở nơi sau không? |  |  |  |
|  | a. Cổng chính | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | b. Phòng bảo vệ, thường trực | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | c. Trong phòng làm việc | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | d. Phòng họp/hội trường | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | e. Hành lang | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | f. Ngoài sân | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | g. Căng tin, quán café, quán nước trong khuôn viên | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  |  |  |  |  |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung quan sát** | **Có** |  **Không**  | **Không quan sát được** |
| **Quan sát sự cưỡng chế thực hiện** |  |  |  |
| 12 | Nếu có người hút thuốc (nhân viên và người dân) trong khu vực cấm, bảo vệ (hoặc người của cơ quan) có nhắc nhở hay yêu cầu người đó ngừng hoặc yêu cầu ra chỗ khác hút thuốc không? | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
| 13 | Mọi người xung quanh (cộng đồng) có nhắc nhở người vi phạm không? | 🞎 | 🞎 | 🞎 |

MẪU 4:

PHIẾU QUAN SÁT THỰC THI XÂY DỰNG CƠ SỞ GIÁO DỤC KHÔNG KHÓI THUỐC

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **MÃ SỐ BCH:** |  |  |  |  |  |

**Ngày giám sát**

**Tên đơn vị**

**Địa chỉ \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**Người trả lời phỏng vấn \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_Điện thoại\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**Giám sát viên**

**Tỉnh:** **1.** Thái Bình **2.** Hải Dương **3.** Khánh Hòa **4.** Bình Định **5.** Đồng Tháp **6.** Bạc Liêu

**HƯỚNG DẪN ĐIỀN PHIẾU**

* Điều tra viên khoanh tròn vào mã tỉnh trước khi tiến hành phỏng vấn và quan sát tại đơn vị.
* Với phần 1, 2, 3, giám sát viên phỏng vấn lãnh đạo/người phụ trách công tác PCTHTL của đơn vị.
* Với phần 4, giám sát viên tự quan sát và điền phiếu.
* Giám sát viên hỏi, quan sát và đánh dấu (x) vào ô phù hợp với các mục:
* **CÓ**: Có quan sát thấy hiện tượng/hành vi. Ví dụ, tại địa điểm quan sát có biển “không hút thuốc lá” thì giám sát viên đánh dấu (x) vào ô **CÓ**.
* **KHÔNG**: Không quan sát thấy hiện tượng/hành vi. Ví dụ, tại địa điểm quan sát không treo biển biển “không hút thuốc lá” thì giám sát viên đánh dấu (x) vào ô **KHÔNG**.
* **KHÔNG CÓ KHU VỰC NÀY**: Đánh dấu (x) vào mục này nếu cơ quan/đơn vị không có khu vực chức năng này
* **KHÔNG QUAN SÁT ĐƯỢC:** Với các mục 13,14 nếu không có hành vi hút thuốc xảy ra thì đánh dấu (x) vào ô **KHÔNG QUAN SÁT ĐƯỢC.**

**Phần 1. Ban chỉ đạo phòng chống tác hại thuốc lá**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung giám sát** | **Có** | **Không**  |
| 1 | Cơ quan/đơn vị có thành lập Ban chỉ đạo (BCĐ) phòng chống tác hại thuốc lá không? (Nếu KHÔNG, chuyển sang hỏi tiếp từ phần 2 – Nếu CÓ thì hỏi tiếp phần 1) | 🞎 | 🞎 |
| 2 | Nếu đã thành lập BCĐ, Cơ quan/đơn vị có Quyết định thành lập không? (***Nếu có, đề nghị xin một bản phô tô***) | 🞎 | 🞎 |
| 3 | BCĐ có phân công nhiệm vụ cho từng thành viên không? | 🞎 | 🞎 |
| 4 | BCĐ có họp định kỳ không?*(Buổi họp có thể tổ chức riêng hoặc lồng ghép vào buổi họp khác của đơn vị)* | 🞎 | 🞎 |
| 5 | Định kỳ bao lâu một lần? | Hàng tuần🞎 | Hàng tháng🞎 | Hàng quý🞎 | 6 tháng 1 lần🞎 | 1 năm 1 lần🞎 |

**Phần 2. Nội quy/quy định cấm hút thuốc**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung giám sát** | **Có** | **Không**  |
| 1 | Cơ quan có quy định cấm hút thuốc? |  |  |
|  | a. Có nội quy riêng về cấm hút thuốc | 🞎 | 🞎 |
|  |  b. Lồng ghép vào Quy chế/Quy định có sẵn của nhà trường  | 🞎 | 🞎 |
| 2 | Nội quy được xây dựng dựa trên góp ý của các cán bộ nhân viên trong nhà trường không? | 🞎 | 🞎 |
| 3 | Hình thức góp ý kiến: |  |  |
|  | a. Tổ chức cuộc họp lấy ý kiến | 🞎 | 🞎 |
|  | b. Đưa ra các cuộc họp của nhà trường | 🞎 | 🞎 |
|  | c. Phản hồi bằng văn bản | 🞎 | 🞎 |
|  |  c. Khác (Ghi rõ): \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ | 🞎 | 🞎 |
| 4 | Nội quy có đề cập đến hình thức xử lý không? | 🞎 | 🞎 |
| 5 | Nếu có, ghi rõ là hình thức xử lý như thế nào: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ |  |  |

**Phần 3. Triển khai kế hoạch**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Xây dựng kế hoạch***  | **Có** |  **Không**  |
| 1 | Có tiến hành khảo sát tình hình sử dụng thuốc lá của **cán bộ nhân viên, học sinh, sinh viên** không? (***Nếu có, đề nghị xin một bản phô tô***) | 🞎 | 🞎 |
| 2 | Có bản kế hoạch triển khai quy định cấm hút thuốc của đơn vị không? (***Nếu có, đề nghị xin một bản phô tô***) | 🞎 | 🞎 |
| 3 | Có tập huấn cho các cán bộ đươc phân công nhiệm vụ giám sát không? | 🞎 | 🞎 |
| 4 | Có phổ biến nội quy/quy chế cấm hút thuốc cho cán bộ nhân viên và học sinh, sinh viên không?  | 🞎 | 🞎 |
| 5 | Nếu có, các hình thức phổ biến là gì? |  |  |
|  | 1. Tổ chức buổi phổ biến, tuyên truyền
 | 🞎 | 🞎 |
|  | 1. Phổ biến trong các cuộc họp của cơ quan
 | 🞎 | 🞎 |
|  | 1. Treo nội quy, biển báo cấm ở những khu vực trong trường (cổng vào, trong phòng…)
 | 🞎 | 🞎 |
|  | 1. Phổ biến bằng văn bản
 | 🞎 | 🞎 |
|  |  e. Khác (Ghi rõ – Ví dụ Poster, tranh ảnh, màn hình LCD…): ……………………………………………………………………….……………………………………………………………………….………………………………………………………………………. |  |  |
| 6 | Có thông báo cho khách đến làm việc biết về quy định cấm hút thuốc trong trường không? | 🞎 | 🞎 |
| 7 | Có tổ chức các hoạt động tuyên truyền (truyền thông) về phòng chống tác hại thuốc lá không? | 🞎 | 🞎 |
| 8 | Nếu có đó là những hoạt động gì (Ghi rõ dưới đây – Ví dụ: Tổ chức tuyên truyền, lồng ghép, treo dán poster, tranh ảnh…)……………………………………………………………………..……………………………………………………………………..…………………………………………………………………….. |  |  |

**Phần 4. Quan sát**

| **Nội dung quan sát** | **Có** |  **Không**  | **Không có khu vực này** |
| --- | --- | --- | --- |
| **Vị trí của các biển cấm hút thuốc** |  |  |  |
| 1 | Có nhìn thấy biển cấm hút thuốc ở những vị trí sau đây không? |  |
|  | a. Cổng chính | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | b. Phòng bảo vệ, thường trực | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | c. Trong phòng làm việc | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | d. Phòng học/hội trường | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | e. Ngoài cửa phòng | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | f. Hành lang | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | g. Ngoài sân | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | h. Căng tin, quán café, quán nước trong khuôn viên | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
| 2 | Theo anh/chị biển báo này như thế nào?***(Chỉ chọn 1 phương án)*** | 🞎 Biển rõ ràng và dễ thấy |  |
|  | 🞎 Chỉ một vài biển rõ ràng và dễ thấy |  |
|  | 🞎 Các biển không dễ thấy |  |
| 3 | Có nhìn thấy bất cứ nội quy “Cấm hút thuốc” nào không? | 🞎 | 🞎 |  |
| 4 | Có bất cứ biển cảnh báo nào về việc xử lý không? *(****Định nghĩa:*** *là biển báo ghi rõ hình thức xử lý vi phạm) (Nếu không có biển cảnh báo thì chuyển sang hỏi từ câu 6)* | 🞎 | 🞎 |  |
| 5 | Theo anh/chị biển cảnh báo này như thế nào?***(Chỉ chọn 1 phương án)*** | 🞎 Biển rõ ràng và dễ thấy |  |
|  | 🞎 Chỉ một vài biển rõ ràng và dễ thấy |  |
|  | 🞎 Các biển không dễ thấy |  |
| **Các đồ vật** |  |  |  |
| 6 | Có gạt tàn ở những nơi sau đây không? |  |  |  |
|  | a. Phòng bảo vệ, thường trực | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | b. Phòng học/giảng đường/hội trường | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | c. Trong phòng làm việc | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | d. Hành lang | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | e. Căng tin, quán café, quán nước trong khuôn viên | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
| 7 | Có bán thuốc lá trong khuôn viên (ví dụ, căng tin) không?  | 🞎 | 🞎 |  |
| 8 | Có hàng bán thuốc lá bên ngoài khuôn viên không?  | 🞎 | 🞎 |  |
| Quan sát sự tuân thủ ở khu vực cấm  |  |  |  |
| 9 | Có thấy người hút thuốc ở trong khuôn viên không? | 🞎 | 🞎 |  |
| 10 | Nếu có, ai là người hút thuốc? |  |  |  |
|  | a. Nhân viên: Giáo viên, bảo vệ… | 🞎 | 🞎 |  |
|  | b. Khách đến làm việc | 🞎 | 🞎 |  |
|  | c. Học sinh/sinh viên | 🞎 | 🞎 |  |
| 11 | Có mùi khói thuốc ở những nơi sau không? |  |  |  |
|  | a. Cổng chính | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | b. Phòng bảo vệ, thường trực | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | c. Trong phòng làm việc | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | d. Phòng học/giảng đường/hội trường | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | e. Hành lang | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | f. Ngoài sân | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | g. Căng tin, quán café, quán nước trong khuôn viên | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
| 12 | Có mẩu thuốc lá ở nơi sau không? | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | a. Cổng chính | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | b. Phòng bảo vệ, thường trực | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | c. Trong phòng làm việc | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | d. Phòng học/giảng đường/hội trường | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | e. Hành lang | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | f. Ngoài sân | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | g. Căng tin, quán café, quán nước trong khuôn viên | 🞎 | 🞎 | 🞎 |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung quan sát** | **Có** |  **Không**  | **Không quan sát được** |
| **Quan sát sự cưỡng chế thực hiện** |  |  |  |
| 13 | Nếu có người hút thuốc (cán bộ, khách hay học sinh) trong khu vực cấm, bảo vệ (hoặc cán bộ của trường) có nhắc nhở hay yêu cầu người đó ngừng hoặc yêu cầu ra chỗ khác hút thuốc không? | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
| 14 | Mọi người xung quanh (cộng đồng) có nhắc nhở người vi phạm không? | 🞎 | 🞎 | 🞎 |

MẪU 5:

PHIẾU QUAN SÁT THỰC THI XÂY DỰNG BẾN XE, GA TÀU, BẾN TÀU THUYỀN KHÔNG KHÓI THUỐC

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **MÃ SỐ BCH:** |  |  |  |  |  |

**Ngày giám sát**

**Tên đơn vị**

**Địa chỉ \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**Người trả lời phỏng vấn \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_Điện thoại\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**Giám sát viên**

**Tỉnh:** **1.** Thái Bình **2.** Hải Dương **3.** Khánh Hòa **4.** Bình Định **5.** Đồng Tháp **6.** Bạc Liêu

**HƯỚNG DẪN ĐIỀN PHIẾU**

* Điều tra viên khoanh tròn vào mã tỉnh trước khi tiến hành phỏng vấn và quan sát tại đơn vị.
* Với phần 1, 2, 3, giám sát viên phỏng vấn lãnh đạo/người phụ trách công tác PCTHTL của đơn vị.
* Với phần 4, giám sát viên tự quan sát và điền phiếu.
* Giám sát viên hỏi, quan sát và đánh dấu (x) vào ô phù hợp với các mục:
* **CÓ**: Có quan sát thấy hiện tượng/hành vi. Ví dụ, tại địa điểm quan sát có biển “không hút thuốc lá” thì giám sát viên đánh dấu (x) vào ô **CÓ**.
* **KHÔNG**: Không quan sát thấy hiện tượng/hành vi. Ví dụ, tại địa điểm quan sát không treo biển biển “không hút thuốc lá” thì giám sát viên đánh dấu (x) vào ô **KHÔNG**.
* **KHÔNG CÓ KHU VỰC NÀY**: Đánh dấu (x) vào mục này nếu cơ quan/đơn vị không có khu vực chức năng này
* **KHÔNG QUAN SÁT ĐƯỢC:** Với các mục 13, 14 nếu không có hành vi hút thuốc xảy ra thì đánh dấu (x) vào ô **KHÔNG QUAN SÁT ĐƯỢC.**

**Phần 1. Ban chỉ đạo phòng chống tác hại thuốc lá**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung giám sát** | **Có** | **Không**  |
| 1 | Cơ quan/đơn vị có thành lập Ban chỉ đạo (BCĐ) phòng chống tác hại thuốc lá không? (Nếu KHÔNG, chuyển sang hỏi tiếp từ phần 2 – Nếu CÓ thì hỏi tiếp phần 1) | 🞎 | 🞎 |
| 2 | Nếu có thành lập BCĐ, cơ quan/đơn vị có Quyết định thành lập không? (***Nếu có, đề nghị xin một bản phô tô***) | 🞎 | 🞎 |
| 3 | BCĐ có phân công nhiệm vụ cho từng thành viên không? | 🞎 | 🞎 |
| 4 | BCĐ có họp định kỳ không? (Nếu không, chuyển sang hỏi tiếp phần 2)*(Buổi họp có thể tổ chức riêng hoặc lồng ghép vào buổi họp khác của đơn vị)* | 🞎 | 🞎 |
| 5 | Định kỳ bao lâu một lần? | Hàng tuần🞎 | Hàng tháng🞎 | Hàng quý🞎 | 6 tháng 1 lần🞎 | 1 năm 1 lần🞎 |

**Phần 2. Nội quy/quy định cấm hút thuốc**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung giám sát** | **Có** | **Không**  |
| 1 | Cơ quan có quy định cấm hút thuốc không? |  |  |
|  | a. Có nội quy riêng về cấm hút thuốc | 🞎 | 🞎 |
|  |  b. Lồng ghép vào Quy chế/Quy định có sẵn của cơ quan | 🞎 | 🞎 |
| 2 | Nội quy được xây dựng dựa trên góp ý của các cán bộ nhân viên trong cơ quan không? | 🞎 | 🞎 |
| 3 | Hình thức góp ý kiến: |  |  |
|  | a. Tổ chức cuộc họp lấy ý kiến | 🞎 | 🞎 |
|  | b. Đưa ra các cuộc họp của cơ quan | 🞎 | 🞎 |
|  | c. Phản hồi bằng văn bản | 🞎 | 🞎 |
|  |  d. Khác (Ghi rõ): \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ | 🞎 | 🞎 |
| 4 | Nội quy có đề cập đến hình thức xử lý không? | 🞎 | 🞎 |
| 5 | Nếu có, ghi rõ là hình thức xử lý như thế nào: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ |  |  |

**Phần 3. Triển khai kế hoạch**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung giám sát**  | **Có** |  **Không**  |
| 1 | Có tiến hành khảo sát tình hình sử dụng thuốc lá của **cán bộ nhân viên** không? (***Nếu có, đề nghị xin một bản phô tô***) | 🞎 | 🞎 |
| 2 | Có bản kế hoạch triển khai quy định cấm hút thuốc của đơn vị không? (***Nếu có, đề nghị xin một bản phô tô***) | 🞎 | 🞎 |
| 3 | Có tập huấn cho các cán bộ đươc phân công nhiệm vụ giám sát không? | 🞎 | 🞎 |
| 4 | Có phổ biến nội quy/quy chế cấm hút thuốc cho cán bộ nhân viên không?  | 🞎 | 🞎 |
| 5 | Nếu có, các hình thức phổ biến là gì? |  |  |
|  | 1. Tổ chức buổi phổ biến, tuyên truyền
 | 🞎 | 🞎 |
|  | 1. Phổ biến trong các cuộc họp của cơ quan
 | 🞎 | 🞎 |
|  | 1. Treo nội quy, biển báo cấm ở những khu vực trong cơ quan (cổng vào, trong phòng chờ…)
 | 🞎 | 🞎 |
|  | 1. Phổ biến bằng văn bản
 | 🞎 | 🞎 |
|  | 1. Khác (Ghi rõ – Ví dụ Poster, tranh ảnh, màn hình LCD…):

……………………………………………..............................…………………………………………………………………………………………………………………………………… |  |  |
| 6 | Có thông báo cho hành khách/khách đến làm việc biết về quy định cấm hút thuốc trong cơ quan không? | 🞎 | 🞎 |
| 7 | Có tổ chức các hoạt động tuyên truyền (truyền thông) về phòng chống tác hại thuốc lá không? | 🞎 | 🞎 |
| 8 | Nếu có đó là những hoạt động gì (Ghi rõ dưới đây – Ví dụ: Tổ chức tuyên truyền, lồng ghép, treo dán poster, tranh ảnh…)……………………………………………………………………..……………………………………………………………………..…………………………………………………………………….. |  |  |

**Phần 4. Quan sát**

| **Nội dung quan sát** | **Có** |  **Không**  | **Không có khu vực này** |
| --- | --- | --- | --- |
| **Vị trí của các biển cấm hút thuốc** |  |  |  |
| 1 | Có nhìn thấy biển cấm hút thuốc ở những vị trí sau đây không? |  |
|  | a. Cổng chính | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | b. Phòng bảo vệ, thường trực | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | c. Trong phòng làm việc | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | d. Phòng họp/hội trường | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | e. Ngoài cửa phòng | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | f. Hành lang | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | g. Ngoài sân | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | h. Căng tin, quán café, quán nước trong khuôn viên | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | i. Nhà chờ xe | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
| 2 | Theo anh/chị biển báo này như thế nào?***(Chỉ chọn MỘT phương án)*** | 🞎 Biển rõ ràng và dễ thấy |  |
|  | 🞎 Chỉ một vài biển rõ ràng và dễ thấy |  |
|  | 🞎 Các biển không dễ thấy |  |
| 3 | Có nhìn thấy bất cứ nội quy “Cấm hút thuốc” nào không? | 🞎 | 🞎 |  |
| 4 | Có bất cứ biển cảnh báo nào về việc xử lý không? *(****Định nghĩa:*** *là biển báo ghi rõ hình thức xử lý vi phạm) (Nếu không có biển cảnh báo thì chuyển sang hỏi từ câu 6)* | 🞎 | 🞎 |  |
| 5 | Theo anh/chị biển cảnh báo này như thế nào?***(Chỉ chọn MỘT phương án)*** | 🞎 Biển rõ ràng và dễ thấy |  |
|  | 🞎 Chỉ một vài biển rõ ràng và dễ thấy |  |
|  | 🞎 Các biển không dễ thấy |  |
| **Các đồ vật** |  |  |  |
| 6 | Có gạt tàn ở những nơi sau đây không? |  |  |  |
|  | a. Phòng bảo vệ, thường trực | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | b. Phòng họp/hội trường | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | c. Trong phòng làm việc | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | d. Hành lang | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | e. Căng tin, quán café, quán nước trong khuôn viên | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | f. Nhà chờ xe | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
| 7 | Có bán thuốc lá trong nhà chờ không?  | 🞎 | 🞎 |  |
| 8 | Có bán thuốc lá bên ngoài nhà chờ (trong bến xe) không?  | 🞎 | 🞎 |  |
| Quan sát sự tuân thủ ở khu vực cấm  |  |  |  |
| 9 | Có thấy người hút thuốc ở những khu vực sau không? |  |
|  | a. Phòng bảo vệ, thường trực | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | b. Trong phòng làm việc | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | c. Phòng họp/hội trường | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | d. Hành lang | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | e. Căng tin, quán café, quán nước trong khuôn viên | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | f. Nhà chờ xe | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
| 10 | Nếu có, ai là người hút thuốc ở trong nhà chờ? |  |
|  | a. Hành khách/khách đến làm việc | 🞎 | 🞎 |  |
|  | b. Nhân viên bến xe | 🞎 | 🞎 |  |
| 11 | Có mùi khói thuốc ở những nơi sau không? |  |  |  |
|  | a. Phòng bảo vệ, thường trực | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | b. Phòng họp/hội trường | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | c. Trong phòng làm việc | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | d. Hành lang | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | e. Căng tin, quán café, quán nước trong khuôn viên | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | f. Nhà chờ xe | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | g. Ngoài sân | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
| 12 | Có mẩu thuốc lá ở nơi sau không? |  |  |  |
|  | a. Cổng chính | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | b. Phòng bảo vệ, thường trực | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | c. Trong phòng làm việc | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | d. Phòng họp/hội trường | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | e. Ngoài cửa phòng | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | f. Hành lang | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | g. Ngoài sân | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | h. Căng tin, quán café, quán nước trong khuôn viên | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | i. Nhà chờ xe | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  |  |  |  |  |
| **Nội dung quan sát** | **Có** |  **Không**  | **Không quan sát được** |
| **Quan sát sự cưỡng chế thực hiện** |  |  |  |
| 13 | Nếu có người hút thuốc (nhân viên và người dân) trong khu vực cấm, bảo vệ (hoặc người của cơ quan) có nhắc nhở hoặc yêu cầu người hút thuốc ra khỏi khu vực nhà chờ nếu họ từ chối dập thuốc không? | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
| 14 | Mọi người xung quanh (cộng đồng) có nhắc nhở người vi phạm không? | 🞎 | 🞎 | 🞎 |

MẪU 6:

PHIẾU QUAN SÁT THỰC THI XÂY DỰNG CƠ SỞ Y TẾ KHÔNG KHÓI THUỐC

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **MÃ SỐ BCH:** |  |  |  |  |  |

**Ngày giám sát**

**Tên đơn vị**

**Địa chỉ \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**Người trả lời phỏng vấn \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_Điện thoại\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**Giám sát viên**

**Tỉnh:** **1.** Thái Bình **2.** Hải Dương **3.** Khánh Hòa **4.** Bình Định **5.** Đồng Tháp **6.** Bạc Liêu

**HƯỚNG DẪN ĐIỀN PHIẾU**

* Điều tra viên khoanh tròn vào mã tỉnh trước khi tiến hành phỏng vấn và quan sát tại đơn vị.
* Với phần 1, 2, 3, giám sát viên phỏng vấn lãnh đạo/người phụ trách công tác PCTHTL của đơn vị.
* Với phần 4, giám sát viên tự quan sát và điền phiếu
* Giám sát viên hỏi, quan sát và đánh dấu (x) vào ô phù hợp với các mục:
* **CÓ**: Có quan sát thấy hiện tượng/hành vi. Ví dụ, tại địa điểm quan sát có biển “không hút thuốc lá” thì giám sát viên đánh dấu (x) vào ô **CÓ**.
* **KHÔNG**: Không quan sát thấy hiện tượng/hành vi. Ví dụ, tại địa điểm quan sát không treo biển biển “không hút thuốc lá” thì giám sát viên đánh dấu (x) vào ô **KHÔNG**.
* **KHÔNG CÓ KHU VỰC NÀY**: Đánh dấu (x) vào mục này nếu cơ quan/đơn vị không có khu vực chức năng này
* **KHÔNG QUAN SÁT ĐƯỢC:** Với các mục 12, 13 nếu không có hành vi hút thuốc xảy ra thì đánh dấu (x) vào ô **KHÔNG QUAN SÁT ĐƯỢC.**

**Phần 1. Ban chỉ đạo Phòng chống tác hại thuốc lá**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung giám sát** | **Có** | **Không**  |
| 1 | Cơ quan/đơn vị có thành lập Ban chỉ đạo (BCĐ) phòng chống tác hại thuốc lá không? (Nếu KHÔNG, chuyển sang hỏi tiếp từ phần 2 – Nếu CÓ thì hỏi tiếp phần 1) | 🞎 | 🞎 |
| 2 | Nếu có thành lập BCĐm Cơ quan/đơn vị có Quyết định thành lập không? (***Nếu có, đề nghị xin một bản phô tô***) | 🞎 | 🞎 |
| 3 | BCĐ có phân công nhiệm vụ cho từng thành viên không? | 🞎 | 🞎 |
| 4 | BCĐ có họp định kỳ không? (Nếu không, chuyển sang hỏi tiếp phần 2)*(Buổi họp có thể tổ chức riêng hoặc lồng ghép vào buổi họp khác của đơn vị)* | 🞎 | 🞎 |
| 5 | Định kỳ bao lâu một lần? | Hàng tuần🞎 | Hàng tháng🞎 | Hàng quý🞎 | 6 tháng 1 lần🞎 | 1 năm 1 lần🞎 |

**Phần 2. Nội quy/quy định cấm hút thuốc**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung giám sát** | **Có** | **Không**  |
| 1 | Cơ quan có quy định cấm hút thuốc không? |  |  |
|  | a. Có nội quy riêng về cấm hút thuốc | 🞎 | 🞎 |
|  |  b. Lồng ghép vào Quy chế/Quy định có sẵn của cơ quan | 🞎 | 🞎 |
| 2 | Nội quy được xây dựng dựa trên góp ý của các cán bộ nhân viên trong cơ quan không? | 🞎 | 🞎 |
| 3 | Hình thức góp ý kiến: |  |  |
|  | a. Tổ chức cuộc họp lấy ý kiến | 🞎 | 🞎 |
|  | b. Đưa ra các cuộc họp của cơ quan | 🞎 | 🞎 |
|  | c. Phản hồi bằng văn bản | 🞎 | 🞎 |
|  |  d. Khác (Ghi rõ): \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ | 🞎 | 🞎 |
| 4 | Nội quy có đề cập đến hình thức xử lý không? | 🞎 | 🞎 |
| 5 | Nếu có, ghi rõ là hình thức xử lý như thế nào: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ |  |  |

**Phần 3. Triển khai kế hoạch**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung giám sát** | **Có** |  **Không**  |
| 1 | Có tiến hành khảo sát tình hình sử dụng thuốc lá của **cán bộ nhân viên** không? (***Nếu có, đề nghị xin một bản phô tô***) | 🞎 | 🞎 |
| 2 | Có bản kế hoạch triển khai quy định cấm hút thuốc của đơn vị không? (***Nếu có, đề nghị xin một bản phô tô*)** | 🞎 | 🞎 |
| 3 | Có tập huấn cho các cán bộ đươc phân công nhiệm vụ giám sát không? | 🞎 | 🞎 |
| 4 | Có phổ biến nội quy/quy chế cấm hút thuốc cho cán bộ nhân viên không?  | 🞎 | 🞎 |
| 5 | Nếu có, các hình thức phổ biến là gì |  |  |
|  | 1. Tổ chức buổi phổ biến, tuyên truyền
 | 🞎 | 🞎 |
|  | 1. Phổ biến trong các cuộc họp của cơ quan
 | 🞎 | 🞎 |
|  | 1. Treo nội quy, biển báo cấm ở những khu vực trong cơ quan (cổng vào, trong phòng chờ của bệnh nhân…)
 | 🞎 | 🞎 |
|  | 1. Phổ biến bằng văn bản
 | 🞎 | 🞎 |
|  |  e. Khác (Ghi rõ – Ví dụ Poster, tranh ảnh, màn hình LCD…): …………………………………………………………………………….. …………………………………………………………………………….…………………………………………………………………………….. |  |  |
| 6 | Có thông báo cho khách đến làm việc/bệnh nhân/người nhà bệnh nhân biết về quy định cấm hút thuốc trong cơ quan không? | 🞎 | 🞎 |
| 7 | Có tổ chức các hoạt động tuyên truyền (truyền thông) về phòng chống tác hại thuốc lá không? | 🞎 | 🞎 |
| 8 | Nếu có đó là những hoạt động gì (Ghi rõ dưới đây – Ví dụ: Tổ chức tuyên truyền, lồng ghép, treo dán poster, tranh ảnh…)……………………………………………………………………..……………………………………………………………………..…………………………………………………………………….. |  |  |

**Phần 4. Quan sát**

| **Nội dung quan sát** | **Có** |  **Không**  | **Không có khu vực này** |
| --- | --- | --- | --- |
| **Vị trí của các biển cấm hút thuốc** |  |  |  |
| 1 | Có nhìn thấy biển cấm hút thuốc ở những vị trí sau đây không? |  |
|  | a. Cổng chính | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | b. Trong phòng làm việc/phòng bệnh | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | c. Trong phòng chờ/Phòng họp/hội trường | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | d. Ngoài cửa phòng | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | e. Hành lang | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | f. Ngoài sân | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | g. Căng tin | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | h. Phòng bảo vệ, thường trực | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
| 2 | Theo anh/chị biển báo này như thế nào? (Chỉ chọn ***MỘT*** phương án) | 🞎 Biển rõ ràng và dễ thấy |  |
|  | 🞎 Chỉ một vài biển rõ ràng và dễ thấy |  |
|  | 🞎 Các biển không dễ thấy |  |
| 3 | Có nhìn thấy bất cứ nội quy “Cấm hút thuốc” nào không? | 🞎 | 🞎 |  |
| 4 | Có bất cứ biển cảnh báo nào về việc xử lý không? *(****Định nghĩa:*** *là biển báo ghi rõ hình thức xử lý vi phạm) (Nếu không có biển cảnh báo thì chuyển sang hỏi từ câu 6)* | 🞎 | 🞎 |  |
| 5 | Theo anh/chị biển cảnh báo này như thế nào? (Chỉ chọn ***MỘT*** phương án) | 🞎 Biển rõ ràng và dễ thấy |  |
|  | 🞎 Chỉ một vài biển rõ ràng và dễ thấy |  |
|  | 🞎 Các biển không dễ thấy |  |
| **Các đồ vật** |  |  |  |
| 6 | Có quan sát thấy gạt tàn thuốc lá ở những nơi sau đây không? |  |
|  | a. Trong phòng làm việc/phòng bệnh | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | b. Trong phòng chờ/ Phòng họp/Hội trường | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | c. Hành lang | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | d. Căng tin | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | e. Phòng bảo vệ, thường trực | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
| 7 | Có bán thuốc lá trong khuôn viên cơ sở y tế không?  | 🞎 | 🞎 |  |
| Quan sát sự tuân thủ ở khu vực cấm  |  |  |  |
| 8 | Có thấy người hút thuốc trong khuôn viên cơ sở y tế không? | 🞎 | 🞎 |  |
| 9 | Nếu có, ai là người hút thuốc? |  |  |  |
|  | a. Bác sỹ/y tá/nhân viên y tế/cán bộ | 🞎 | 🞎 |  |
|  | b. Bệnh nhân | 🞎 | 🞎 |  |
|  | c. Người nhà bệnh nhân | 🞎 | 🞎 |  |
| 10 | Có mùi khói thuốc ở những nơi sau đây không? |  |
|  | a. Cổng chính | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | b. Phòng bảo vệ, thường trực | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | c. Trong phòng làm việc/phòng bệnh | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | d. Phòng chờ/Phòng họp/hội trường | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | e. Hành lang | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | f. Ngoài sân | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | g. Căng tin | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
| 11 | Có mẩu thuốc lá ở những nơi sau đây không? |  |
|  | a. Cổng chính | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | b. Phòng bảo vệ, thường trực | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | c. Trong phòng làm việc/phòng bệnh | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | d. Phòng chờ/Phòng họp/hội trường | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | e. Hành lang | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | f. Ngoài sân | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | g. Căng tin | 🞎 | 🞎 | 🞎 |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung quan sát** | **Có** |  **Không**  | **Không quan sát được** |
| **Quan sát sự cưỡng chế thực hiện** |  |  |  |
| 12 | Nếu có người hút thuốc (cán bộ, nhân viên, bệnh nhân và người nhà bệnh nhân) trong khu vực cấm, bảo vệ (hoặc người của cơ quan) có nhắc nhở hay yêu cầu người đó ngừng hoặc yêu cầu ra chỗ khác hút thuốc không? | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
| 13 | Mọi người xung quanh (cộng đồng) có nhắc nhở người vi phạm không? | 🞎 | 🞎 | 🞎 |

MẪU 7:

PHIẾU QUAN SÁT THỰC THI XÂY DỰNG ĐỊA ĐIỂM CÔNG CỘNG KHÔNG KHÓI THUỐC

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **MÃ SỐ BCH:** |  |  |  |  |  |

**Ngày giám sát**

**Tên đơn vị**

**Địa chỉ \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**Người trả lời phỏng vấn \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_Điện thoại\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**Giám sát viên**

**Tỉnh:** **1.** Thái Bình **2.** Hải Dương **3.** Khánh Hòa **4.** Bình Định **5.** Đồng Tháp **6.** Bạc Liêu

**GIẢI THÍCH TỪ NGỮ**

**Địa điểm công cộng** cần áp dụng quy định cấm hút thuốc trong chương trình này là ***các địa điểm công cộng*** trong nhà bao gồm các trung tâm văn hóa (như rạp chiếu phim, thư viện, nhà hát, nhà văn hóa, trung tâm triển lãm…), thể thao (nhà thi đấu thể thao, khu vực có mái che trong sân vận động), du lịch, quán bar, café.

**Khu vực trong nhà** được dịnh nghĩa là nơi có mái che và có một hay nhiều bức tường chắn hoặc vách ngăn xung quanh*(Luật phòng chống tác hại thuốc lá)*

**HƯỚNG DẪN ĐIỀN PHIẾU**

* Điều tra viên khoanh tròn vào mã tỉnh trước khi tiến hành phỏng vấn và quan sát tại đơn vị.
* Với phần 1, 2, 3, giám sát viên phỏng vấn lãnh đạo/người phụ trách công tác PCTHTL của đơn vị.
* Với phần 4, giám sát viên tự quan sát và điền phiếu.
* Giám sát viên hỏi, quan sát và đánh dấu (x) vào ô phù hợp với các mục:
* **CÓ**: Có quan sát thấy hiện tượng/hành vi. Ví dụ, tại địa điểm quan sát có biển “không hút thuốc lá” thì giám sát viên đánh dấu (x) vào ô **CÓ**.
* **KHÔNG**: Không quan sát thấy hiện tượng/hành vi. Ví dụ, tại địa điểm quan sát không treo biển biển “không hút thuốc lá” thì giám sát viên đánh dấu (x) vào ô **KHÔNG**.
* **KHÔNG CÓ KHU VỰC NÀY**: Đánh dấu (x) vào mục này nếu cơ quan/đơn vị không có khu vực chức năng này
* **KHÔNG QUAN SÁT ĐƯỢC:** Với các mục 12, 13 nếu không có hành vi hút thuốc xảy ra thì đánh dấu (x) vào ô **KHÔNG QUAN SÁT ĐƯỢC.**

**Phần 1. Nội quy/quy định cấm hút thuốc**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung giám sát** | **Có** | **Không**  |
| 1 | Cơ quan có quy định cấm hút thuốc không? |  |  |
|  | a. Có nội quy riêng về cấm hút thuốc | 🞎 | 🞎 |
|  |  b. Lồng ghép vào Quy chế/Quy định có sẵn của cơ quan | 🞎 | 🞎 |
| 2 | Nội quy được xây dựng dựa trên góp ý của các cán bộ nhân viên trong cơ quan không? | 🞎 | 🞎 |
| 3 | Hình thức góp ý kiến: |  |  |
|  | a. Tổ chức cuộc họp lấy ý kiến | 🞎 | 🞎 |
|  | b. Đưa ra các cuộc họp của cơ quan | 🞎 | 🞎 |
|  | c. Phản hồi bằng văn bản | 🞎 | 🞎 |
|  |  d. Khác (Ghi rõ): \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ | 🞎 | 🞎 |
| 4 | Nội quy có đề cập đến hình thức xử lý không? | 🞎 | 🞎 |
| 5 | Nếu có, ghi rõ là hình thức xử lý như thế nào: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ |  |  |

**Phần 2. Triển khai kế hoạch**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung giám sát** | **Có** | **Không** |
| 1 | Có tiến hành khảo sát tình hình sử dụng thuốc lá của **cán bộ nhân viên** không? (***Nếu có, đề nghị xin một bản phô tô***) | 🞎 | 🞎 |
| 2 | Có bản kế hoạch triển khai quy định cấm hút thuốc của đơn vị không? (***Nếu có, đề nghị xin một bản phô tô***) | 🞎 | 🞎 |
| 3 | Có tập huấn cho cán bộ đươc phân công giám sát không? | 🞎 | 🞎 |
| 4 | Có phổ biến nội quy/quy chế cấm hút thuốc cho cán bộ nhân viên không?  | 🞎 | 🞎 |
| 5 | Nếu có, các hình thức phổ biến là gì? |  |  |
|  | 1. Tổ chức buổi phổ biến, tuyên truyền
 | 🞎 | 🞎 |
|  | 1. Phổ biến trong các cuộc họp của cơ quan
 | 🞎 | 🞎 |
|  | 1. Treo nội quy, biển báo cấm ở những khu vực trong cơ quan (cổng vào, phòng tiếp khách, khu sử dụng dịch vụ trong nhà, các phòng chức năng, phòng làm việc, hành lang,…)
 | 🞎 | 🞎 |
|  | 1. Phổ biến bằng văn bản
 | 🞎 | 🞎 |
|  |  e. Khác (Ghi rõ – Ví dụ Poster, tranh ảnh, màn hình LCD…): …………………………………………………………………………..…………………………………………………………………………...…………………………………………………………………………... |  |  |
| 6 | Có thông báo cho khách đến làm việc/sử dụng dịch vụ biết về quy định cấm hút thuốc trong cơ quan không? | 🞎 | 🞎 |
| 7 | Có tổ chức các hoạt động tuyên truyền (truyền thông) về phòng chống tác hại thuốc lá không? | 🞎 | 🞎 |
| 8 | Nếu có đó là những hoạt động gì (Ghi rõ dưới đây – Ví dụ: Tổ chức tuyên truyền, lồng ghép, treo dán poster, tranh ảnh…)……………………………………………………………………..……………………………………………………………………..…………………………………………………………………….. |  |  |

**Phần 3. Quan sát**

| **Nội dung quan sát** | **Có** |  **Không**  | **Không có khu vực này** |
| --- | --- | --- | --- |
| **Vị trí của các biển cấm hút thuốc** |  |  |  |
| 1 | Có nhìn thấy biển cấm hút thuốc ở những vị trí sau đây không? |  |
|  | a. Cổng chính | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | b. Phòng bảo vệ, thường trực | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | c. Trong phòng làm việc | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | d. Phòng họp/hội trường | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | e. Ngoài cửa phòng | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | f. Hành lang | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | g. Ngoài sân | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | h. Khu sử dụng dịch vụ/phòng chức năng | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
| 2 | Theo anh/chị biển báo này như thế nào?***(Chỉ chọn 1 phương án)*** | 🞎 Biển rõ ràng và dễ thấy |  |
|  | 🞎 Chỉ một vài biển rõ ràng và dễ thấy |  |
|  | 🞎 Các biển không dễ thấy |  |
| 3 | Có nhìn thấy bất cứ nội quy “Cấm hút thuốc” nào không? | 🞎 | 🞎 |  |
| 4 | Có bất cứ biển cảnh báo nào về việc xử lý không? *(****Định nghĩa:*** *là biển báo ghi rõ hình thức xử lý vi phạm) (Nếu không có biển cảnh báo thì chuyển sang hỏi từ câu 6)* | 🞎 | 🞎 |  |
| 5 | Theo anh/chị biển cảnh báo này như thế nào?***(Chỉ chọn 1 phương án)*** | 🞎 Biển rõ ràng và dễ thấy |  |
|  | 🞎 Chỉ một vài biển rõ ràng và dễ thấy |  |
|  | 🞎 Các biển không dễ thấy |  |
| **Các đồ vật** |  |  |  |
| 6 | Có gạt tàn ở những nơi sau đây không? |  |  |  |
|  | a. Phòng bảo vệ, thường trực | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | b. Phòng họp/hội trường | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | c. Trong phòng làm việc | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | d. Hành lang | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | e. Khu sử dụng dịch vụ/phòng chức năng | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
| 7 | Có bán thuốc lá trong khuôn viên (ví dụ, căng tin) không?  | 🞎 | 🞎 |  |
| Quan sát sự tuân thủ ở khu vực cấm  |  |  |  |
| 8 | Có thấy người hút thuốc ở trong khuôn viên không? | 🞎 | 🞎 |  |
| 9 | Nếu có, ai là người hút thuốc? |  |  |  |
|  | a. Nhân viên đơn vị, bảo vệ… | 🞎 | 🞎 |  |
|  | b. Khách đến làm việc/sử dụng dịch vụ | 🞎 | 🞎 |  |
| 10 | Có mùi khói thuốc ở những nơi sau không? |  |  |  |
|  | a.Trong phòng làm việc  | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | b. Hành lang | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | c. Ngoài sân | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | d. Phòng họp/hội trường | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | 1. Khu sử dụng dịch vụ - phòng chức năng
 | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
| 11 | Có mẩu thuốc lá ở nơi sau không? |  |  |  |
|  | a. Cổng chính | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | b. Phòng bảo vệ, thường trực | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | c.Trong phòng làm việc/ phòng họp | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | d. Hành lang | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | e. Ngoài sân | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | f. Khu sử dụng dịch vụ - phòng chức năng | 🞎 | 🞎 | 🞎 |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung quan sát** | **Có** |  **Không**  | **Không quan sát được** |
| **Quan sát sự cưỡng chế thực hiện** |  |  |  |
| 12 | Nếu có người hút thuốc (nhân viên và khách) trong khu vực cấm, bảo vệ (hoặc người của cơ quan) có nhắc nhở hay yêu cầu người đó ngừng hoặc yêu cầu ra chỗ khác hút thuốc không? | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
| 13 | Mọi người xung quanh (cộng đồng) có nhắc nhở người vi phạm không? | 🞎 | 🞎 | 🞎 |

MẪU 8:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **MÃ SỐ BCH:** |  |  |  |  |  |

PHIẾU QUAN SÁT THỰC THI XÂY DỰNG KHÁCH SẠN KHÔNG KHÓI THUỐC

**Ngày giám sát**

**Tên đơn vị**

**Địa chỉ \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**Người trả lời phỏng vấn \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_Điện thoại\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**Giám sát viên**

**Tỉnh:** **1.** Thái Bình **2.** Hải Dương **3.** Khánh Hòa **4.** Bình Định **5.** Đồng Tháp **6.** Bạc Liêu

**HƯỚNG DẪN ĐIỀN PHIẾU**

* Điều tra viên khoanh tròn vào mã tỉnh trước khi tiến hành phỏng vấn và quan sát tại đơn vị.
* Với phần 1, 2, giám sát viên phỏng vấn lãnh đạo/người phụ trách công tác PCTHTL của đơn vị.
* Với phần 3, giám sát viên tự quan sát và điền phiếu
* Giám sát viên hỏi, quan sát và đánh dấu (x) vào ô phù hợp với các mục:
* **CÓ**: Có quan sát thấy hiện tượng/hành vi. Ví dụ, tại địa điểm quan sát có biển “không hút thuốc lá” thì giám sát viên đánh dấu (x) vào ô **CÓ**.
* **KHÔNG**: Không quan sát thấy hiện tượng/hành vi. Ví dụ, tại địa điểm quan sát không treo biển biển “không hút thuốc lá” thì giám sát viên đánh dấu (x) vào ô **KHÔNG**.
* **KHÔNG CÓ KHU VỰC NÀY**: Đánh dấu (x) vào mục này nếu cơ quan/đơn vị không có khu vực chức năng này
* **KHÔNG QUAN SÁT ĐƯỢC:** Với các mục 11, 12, nếu không có hành vi hút thuốc xảy ra thì đánh dấu (x) vào ô **KHÔNG QUAN SÁT ĐƯỢC.**

**Phần 1. Nội quy/quy định cấm hút thuốc**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung giám sát** | **Có** | **Không**  |
| 1 | Khách sạn có quy định cấm hút thuốc không? |  |  |
|  | a. Có nội quy riêng về cấm hút thuốc | 🞎 | 🞎 |
|  |  b. Lồng ghép vào Quy chế/Quy định có sẵn của Khách sạn | 🞎 | 🞎 |
| 2 | Nội quy được xây dựng dựa trên góp ý của các cán bộ nhân viên trong khách sạn không? | 🞎 | 🞎 |
| 3 | Hình thức góp ý kiến: |  |  |
|  | a. Tổ chức cuộc họp lấy ý kiến | 🞎 | 🞎 |
|  | b. Đưa ra các cuộc họp | 🞎 | 🞎 |
|  | c. Phản hồi bằng văn bản | 🞎 | 🞎 |
|  |  d. Khác (Ghi rõ): \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ | 🞎 | 🞎 |
| 4 | Nội quy có đề cập đến hình thức xử lý không? | 🞎 | 🞎 |
| 5 | Nếu có, ghi rõ là hình thức xử lý như thế nào: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ |  |  |

**Phần 2. Triển khai kế hoạch**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Nội dung giám sát***  | **Có** |  **Không**  |
| 1 | Có tiến hành khảo sát tình hình sử dụng thuốc lá của **cán bộ nhân viên** không? (***Nếu có, đề nghị xin một bản phô tô***) | 🞎 | 🞎 |
| 2 | Có bản kế hoạch triển khai quy định cấm hút thuốc của khách sạn không? (***Nếu có, đề nghị xin một bản phô tô*)** | 🞎 | 🞎 |
| 3 | Có tập huấn cho các cán bộ đươc phân công nhiệm vụ giám sát không? | 🞎 | 🞎 |
| 4 | Có phổ biến nội quy/quy chế cấm hút thuốc cho cán bộ nhân viên không?  | 🞎 | 🞎 |
| 5 | Nếu có, các hình thức phổ biến là gì |  |  |
|  | 1. Tổ chức buổi phổ biến, tuyên truyền
 | 🞎 | 🞎 |
|  | 1. Phổ biến trong các cuộc họp
 | 🞎 | 🞎 |
|  | 1. Treo nội quy, biển báo cấm ở những khu vực trong khách sạn (bàn lễ tân, phòng ăn, phòng ở, phòng làm việc…)
 | 🞎 | 🞎 |
|  | 1. Phổ biến bằng văn bản
 | 🞎 | 🞎 |
|  | 1. Khác (Ghi rõ – Ví dụ Poster, tranh ảnh, màn hình LCD…): …………………………………………………….......................... ……………………………………………………………………... .……………………………………………………………………..
 |  |  |
| 6 | Có thông báo cho khách đến làm việc/khách lưu trú biết về quy định cấm hút thuốc trong khách sạn không? | 🞎 | 🞎 |

**Phần 3. Quan sát**

| **Nội dung quan sát** | **Có** |  **Không**  | **Không có khu vực này** |
| --- | --- | --- | --- |
| **Vị trí của các biển cấm hút thuốc** |  |  |  |
| 1 | Có nhìn thấy biển cấm hút thuốc ở những vị trí sau đây không? |  |
|  | a. Cổng chính | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | b. Sảnh khách sạn | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | c. Bàn lễ tân | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | d. Khu vực phòng ăn | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | e. Phòng làm việc/phòng chức năng/dịch vụ | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | f. Phòng ở của khách | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | g. Hành lang | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
| 2 | Theo anh/chị biển báo này như thế nào? (***Chỉ chọn MỘT phương án***) | 🞎 Biển rõ ràng và dễ thấy |  |
|  | 🞎 Chỉ một vài biển rõ ràng và dễ thấy |  |
|  | 🞎 Các biển không dễ thấy |  |
| 3 | Có nhìn thấy bất cứ nội quy “Cấm hút thuốc” nào không? | 🞎 | 🞎 |  |
| 4 | Có bất cứ biển cảnh báo nào về việc xử lý không? *(****Định nghĩa:*** *là biển báo ghi rõ hình thức xử lý vi phạm) (Nếu không có biển cảnh báo thì chuyển sang hỏi từ câu 6)* | 🞎 | 🞎 |  |
| 5 | Theo anh/chị biển cảnh báo này như thế nào? (***Chỉ chọn MỘT phương án***) | 🞎 Biển rõ ràng và dễ thấy |  |
|  | 🞎 Chỉ một vài biển rõ ràng và dễ thấy |  |
|  | 🞎 Các biển không dễ thấy |  |
| **Các đồ vật** |  |  |  |
| 6 | Có quan sát thấy gạt tàn thuốc lá ở những nơi sau đây không? |  |
|  | a. Phòng làm việc/phòng chức năng/dịch vụ | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | b. Sảnh khách sạn | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | c. Phòng ăn | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | d. Phòng ở của khách | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | e. Hành lang | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
| Quan sát sự tuân thủ ở khu vực cấm  |  |  |  |
| 7 | Có thấy người hút thuốc ở khu vực trong nhà của khách sạn không? | 🞎 | 🞎 |  |
|  | ***“Khu vực trong nhà được dịnh nghĩa là nơi có mái che và có một hay nhiều bức tường chắn hoặc vách ngăn xung quanh”*** *(Luật phòng chống tác hại thuốc lá)* |  |
| 8 | Nếu có, ai là người hút thuốc? |  |  |  |
|  | a. Cán bộ nhân viên của khách sạn | 🞎 | 🞎 |  |
|  | b. Khách lưu trú/khách đến làm việc | 🞎 | 🞎 |  |
| 9 | Có mùi khói thuốc ở những nơi sau đây không? |  |
|  | a. Phòng làm việc/phòng chức năng/dịch vụ | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | b. Sảnh khách sạn | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | c. Phòng ăn | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | d. Phòng ở của khách | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | e. Hành lang | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
| 10 | Có mẩu thuốc lá ở những nơi sau đây không? |  |
|  | a. Phòng làm việc/phòng chức năng/dịch vụ | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | b. Sảnh khách sạn | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | c. Phòng ăn | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | d. Phòng ở của khách | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | e. Hành lang | 🞎 | 🞎 | 🞎 |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung quan sát** | **Có** |  **Không**  | **Không quan sát được** |
| **Quan sát sự cưỡng chế thực hiện** |  |  |  |
| 11 | Nếu có người hút thuốc (cán bộ, nhân viên, khách) trong khu vực trong nhà của khách sạn, bảo vệ (hoặc người của khách sạn) có nhắc nhở hay yêu cầu người đó ngừng hoặc yêu cầu ra chỗ khác hút thuốc không? | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
| 12 | Mọi người xung quanh (cộng đồng) có nhắc nhở người vi phạm không? | 🞎 | 🞎 | 🞎 |

MẪU 9:

PHIẾU QUAN SÁT THỰC THI XÂY DỰNG NHÀ HÀNG KHÔNG KHÓI THUỐC

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **MÃ SỐ BCH:** |  |  |  |  |  |

**Ngày giám sát**

**Tên đơn vị**

**Địa chỉ \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**Người trả lời phỏng vấn \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_Điện thoại\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**Giám sát viên**

**Tỉnh:** **1.** Thái Bình **2.** Hải Dương **3.** Khánh Hòa **4.** Bình Định **5.** Đồng Tháp **6.** Bạc Liêu

**HƯỚNG DẪN ĐIỀN PHIẾU**

* Điều tra viên khoanh tròn vào mã tỉnh trước khi tiến hành phỏng vấn và quan sát tại đơn vị.
* Với phần 1, 2, giám sát viên phỏng vấn lãnh đạo/người phụ trách công tác PCTHTL của đơn vị.
* Với phần 3, giám sát viên tự quan sát và điền phiếu
* Giám sát viên hỏi, quan sát và đánh dấu (x) vào ô phù hợp với các mục:
* **CÓ**: Có quan sát thấy hiện tượng/hành vi. Ví dụ, tại địa điểm quan sát có biển “không hút thuốc lá” thì giám sát viên đánh dấu (x) vào ô **CÓ**.
* **KHÔNG**: Không quan sát thấy hiện tượng/hành vi. Ví dụ, tại địa điểm quan sát không treo biển biển “không hút thuốc lá” thì giám sát viên đánh dấu (x) vào ô **KHÔNG**.
* **KHÔNG CÓ KHU VỰC NÀY**: Đánh dấu (x) vào mục này nếu cơ quan/đơn vị không có khu vực chức năng này
* **KHÔNG QUAN SÁT ĐƯỢC:** Với các mục 11, 12 nếu không có hành vi hút thuốc xảy ra thì đánh dấu (x) vào ô **KHÔNG QUAN SÁT ĐƯỢC.**

**Phần 1. Nội quy/quy định cấm hút thuốc**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung giám sát** | **Có** | **Không**  |
| 1 | Nhà hàng có quy định cấm hút thuốc không? |  |  |
|  | a. Có nội quy riêng về cấm hút thuốc | 🞎 | 🞎 |
|  |  b. Lồng ghép vào Quy chế/Quy định có sẵn của nhà hàng | 🞎 | 🞎 |
| 2 | Nội quy được xây dựng dựa trên góp ý của các cán bộ nhân viên trong nhà hàng không? | 🞎 | 🞎 |
| 3 | Hình thức góp ý kiến: |  |  |
|  | a. Tổ chức cuộc họp lấy ý kiến | 🞎 | 🞎 |
|  | b. Đưa ra các cuộc họp | 🞎 | 🞎 |
|  | c. Phản hồi bằng văn bản | 🞎 | 🞎 |
|  |  d. Khác (Ghi rõ): \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ | 🞎 | 🞎 |
| 4 | Nội quy có đề cập đến hình thức xử phạt không? | 🞎 | 🞎 |
| 5 | Nếu có, ghi rõ là hình thức xử phạt như thế nào: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ |  |  |

**Phần 2. Triển khai kế hoạch**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Nội dung giám sát***  | **Có** |  **Không**  |
| 1 | Có tiến hành khảo sát tình hình sử dụng thuốc lá của **cán bộ nhân viên** không? (***Nếu có, đề nghị xin một bản phô tô***) | 🞎 | 🞎 |
| 2 | Có bản kế hoạch triển khai quy định cấm hút thuốc của nhà hàng không? (***Nếu có, đề nghị xin một bản phô tô*)** | 🞎 | 🞎 |
| 3 | Có tập huấn cho các cán bộ đươc phân công nhiệm vụ giám sát không? | 🞎 | 🞎 |
| 4 | Có phổ biến nội quy/quy chế cấm hút thuốc cho cán bộ nhân viên không?  | 🞎 | 🞎 |
| 5 | Nếu có, các hình thức phổ biến là gì |  |  |
|  | 1. Tổ chức buổi phổ biến, tuyên truyền
 | 🞎 | 🞎 |
|  | 1. Phổ biến trong các cuộc họp
 | 🞎 | 🞎 |
|  | 1. Treo nội quy, biển báo cấm ở những khu vực trong khách sạn (bàn lễ tân, phòng ăn, phòng ở, phòng làm việc…)
 | 🞎 | 🞎 |
|  | 1. Phổ biến bằng văn bản
 | 🞎 | 🞎 |
|  | 1. Khác (Ghi rõ – Ví dụ Poster, tranh ảnh, màn hình LCD…):

…………………………………………………….......................... ……………………………………………………………………... .…………………………………………………………………….. |  |  |
| 6 | Có thông báo cho khách hàng biết về quy định cấm hút thuốc trong nhà hàng không? | 🞎 | 🞎 |

**Phần 3. Quan sát**

| **Nội dung quan sát** | **Có** |  **Không**  | **Không có khu vực này** |
| --- | --- | --- | --- |
| **Vị trí của các biển cấm hút thuốc** |  |  |  |
| 1 | Có nhìn thấy biển cấm hút thuốc ở những vị trí sau đây không? |  |
|  | a. Sảnh nhà hàng | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | b. Bàn lễ tân | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | c. Khu vực phòng ăn | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | d. Phòng làm việc | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | e. Hành lang | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
| 2 | Theo anh/chị biển báo này như thế nào? (***Chỉ chọn MỘT phương án***) | 🞎 Biển rõ ràng và dễ thấy |  |
|  | 🞎 Chỉ một vài biển rõ ràng và dễ thấy |  |
|  | 🞎 Các biển không dễ thấy |  |
| 3 | Có nhìn thấy bất cứ nội quy “Cấm hút thuốc” nào không? | 🞎 | 🞎 |  |
| 4 | Có bất cứ biển cảnh báo nào về việc xử lý không? *(****Định nghĩa:*** *là biển báo ghi rõ hình thức xử lý vi phạm)* | 🞎 | 🞎 |  |
| 5 | Theo anh/chị biển cảnh báo này như thế nào? (***Chỉ chọn MỘT phương án***) | 🞎 Biển rõ ràng và dễ thấy |  |
|  | 🞎 Chỉ một vài biển rõ ràng và dễ thấy |  |
|  | 🞎 Các biển không dễ thấy |  |
| **Các đồ vật** |  |  |  |
| 6 | Có quan sát thấy gạt tàn thuốc lá ở những nơi sau đây không? |  |
|  | a. Sảnh nhà hàng | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | b. Bàn lễ tân | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | c. Khu vực phòng ăn | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | d. Phòng làm việc | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | e. Hành lang | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
| Quan sát sự tuân thủ ở khu vực cấm  |  |  |  |
| 7 | Có thấy người hút thuốc ở khu vực trong nhà của nhà hàng không? | 🞎 | 🞎 |  |
|  | ***“Khu vực trong nhà được dịnh nghĩa là nơi có mái che và có một hay nhiều bức tường chắn hoặc vách ngăn xung quanh”*** *(Luật phòng chống tác hại thuốc lá)* |  |
| 8 | Nếu có, ai là người hút thuốc? |  |  |  |
|  | a. Cán bộ nhân viên của nhà hàng | 🞎 | 🞎 |  |
|  | b. Khách hàng đến sử dụng dịch vụ | 🞎 | 🞎 |  |
| 9 | Có mùi khói thuốc ở những nơi sau đây không? |  |
|  | a. Phòng làm việc | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | b. Sảnh nhà hàng | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | c. Phòng ăn | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | d. Hành lang | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
| 10 | Có mẩu thuốc lá ở những nơi sau đây không? |  |
|  | a. Phòng làm việc | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | b. Sảnh nhà hàng | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | c. Phòng ăn | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
|  | d. Hành lang | 🞎 | 🞎 | 🞎 |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung quan sát** | **Có** |  **Không**  | **Không quan sát được** |
| **Quan sát sự cưỡng chế thực hiện** |  |  |  |
| 11 | Nếu có người hút thuốc (cán bộ, nhân viên, khách hàng) trong khu vực trong nhà của nhà hàng, bảo vệ (hoặc người của nhà hàng) có nhắc nhở hay yêu cầu người đó ngừng hoặc yêu cầu ra chỗ khác hút thuốc không? | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
| 12 | Mọi người xung quanh (cộng đồng) có nhắc nhở người vi phạm không? | 🞎 | 🞎 | 🞎 |